



Bản tin
**HÀNG RÀO KỸ THUẬT
TRONG THƯƠNG MẠI**
TỈNH BÌNH THUẬN

Số 69 (Tháng 11/2024)

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ BÌNH THUẬN

CHI CỤC TIÊU CHUẨN - ĐO LƯỜNG - CHẤT LƯỢNG

Địa chỉ: KDC Bắc Xuân An - Phan Thiết – Bình Thuận. ĐT: 3754042

Website: www.chicuctdcbinhthuan.gov.vn

Hiệp định TBT và một số nội dung cơ bản của pháp luật Việt Nam về hàng rào kỹ thuật trong thương mại

Trong thương mại quốc tế nói chung và trong chính sách thương mại của các nước nói riêng, vấn đề tự do hóa thương mại và bảo hộ thương mại luôn đi liền với nhau. Một trong những biện pháp để quản lý nhập khẩu là sử dụng hệ thống các chính sách dưới hình thức hàng rào kỹ thuật. Tuy nhiên, việc xây dựng và áp dụng những biện pháp này để đảm bảo những mục tiêu hợp pháp đặt ra nhưng không được cản trở tự do hóa thương mại là điều rất khó. Việt Nam là thành viên của WTO nên có trách nhiệm thực hiện tất cả cam kết đối với WTO trong đó có cam kết về TBT.



(Xem tiếp trang 3)



Nội dung	Trang
1. Hiệp định TBT và một số nội dung cơ bản của pháp luật Việt Nam về hàng rào kỹ thuật trong thương mại	1, 3-6
2. Đáp ứng 86 tiêu chí, doanh nghiệp Việt Nam mới xuất khẩu được đơn hàng	7-9
3. Ngành dệt may đổi mặt Thỏa thuận Xanh châu Âu	9-12
4. EU thay đổi quy định kiểm dịch động thực vật, an toàn thực phẩm đối với hàng nhập khẩu	12-16
5. Indonesia: Quy định về thời hạn chứng nhận Halal cho hàng thực phẩm được điều chỉnh thế nào?	16-18
6. Chiến lược tiếp cận thị trường và xây dựng thương hiệu thủy sản tại Vương quốc Anh	20-22
7. Nông nghiệp Việt sẵn sàng hướng vào 2,2 tỉ người tiêu dùng Halal	23-25
8. Giải bài toán công nghệ xanh cho ngành dệt may	25-27
9. Tổng hợp danh mục các Tin cảnh báo WTO cần chú ý trong tháng 9-11/2024	29-33
10. Chuyên mục hoạt động TC-ĐL-CL	34-39

Hiệp định TBT và một số nội dung cơ bản của pháp luật Việt Nam về hàng rào kỹ thuật trong thương mại

(Tiếp theo trang 1)

Hiệp định TBT

TBT là cụm từ viết tắt Tiếng Anh của “Technical Barriers to Trade”, nghĩa là hàng rào kỹ thuật trong thương mại. Hiệp định TBT là một trong các hiệp định điều chỉnh về thương mại hàng hóa với mục tiêu bảo đảm quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn và thủ tục đánh giá sự phù hợp không phân biệt đối xử và không tạo ra các rào cản không cần thiết cho thương mại của Tổ chức Thương mại thế giới (WTO). Cùng lúc, Hiệp định thừa nhận các Thành viên WTO có quyền áp dụng các biện pháp để thực hiện các mục tiêu chính sách hợp pháp của mình. Hiệp định TBT khuyến khích các nước thành viên sử dụng tiêu chuẩn quốc tế làm căn cứ cho các biện pháp quy chuẩn kỹ thuật và thủ tục đánh giá sự phù hợp nhằm tạo thuận lợi cho thương mại. Thông qua các điều khoản về minh bạch hóa, Hiệp định cũng được xây dựng với mục đích tạo môi trường thương mại dễ dự đoán.

Hiệp định này gồm 15 Điều và 3 Phụ lục điều chỉnh các vấn đề liên quan tới xây dựng, ban hành, áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và thủ tục đánh giá sự phù hợp ở cấp cơ quan chính phủ trung ương và địa phương của các quốc gia thành viên; cam kết các vấn đề về cơ chế hỗ trợ kỹ thuật, đối xử đặc biệt và khác biệt, cung cấp thông tin, tham vấn và giải quyết tranh chấp, Ủy ban TBT... Các Phụ lục của Hiệp định quy định về định nghĩa, nhóm chuyên gia kỹ thuật, Quy chế thực hành tốt về xây dựng, ban hành và áp dụng tiêu chuẩn.

Khi ban hành các quy định về kỹ thuật đối với hàng hóa, mỗi nước thành viên WTO đều phải đảm bảo rằng việc áp dụng các quy định này:

- Tránh sự cản trở không cần thiết đối với thương mại quốc tế (nếu có thể dùng các biện pháp khác ít hạn chế thương mại hơn). Theo đó, trước hết các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật hay các quy trình đánh giá hợp chuẩn, hợp quy của hàng hóa.
- Nguyên tắc không phân biệt đối xử: Không phân biệt đối xử (được thể hiện qua hai nguyên tắc là nguyên tắc đối xử tối huệ quốc và nguyên tắc đãi ngộ quốc gia). Giống như các hiệp định khác quy định rằng “đối với các quy chuẩn kỹ thuật, sản phẩm nhập khẩu từ lãnh thổ của bất cứ thành viên nào được đối xử không kém thuận lợi hơn sự đối xử dành cho các sản phẩm tương tự của nước sở tại và sản phẩm tương tự của bất cứ nước thứ ba nào”. Nguyên tắc đối xử tối huệ quốc và nguyên tắc đãi ngộ quốc gia được áp dụng cho cả các tiêu chuẩn, quy định kỹ thuật và các thủ tục đánh giá sự phù hợp.

- **Hài hòa hóa:** Các nước thành viên phải bảo đảm tăng cường việc thông qua các tiêu chuẩn chung về cùng một đối tượng, mà trước đó mỗi nước có một số yêu cầu riêng của nước mình. Trong nguyên tắc này còn đề cập đến vấn đề đối xử đặc biệt và khác biệt đối với các thành viên đang phát triển, đó là: các nước thành viên bảo vệ lợi ích của các nước đang phát triển; có sự linh hoạt trong ban hành và áp dụng các quy định tiêu chuẩn kỹ thuật và các thủ tục đánh giá sự phù hợp.
- **Nguyên tắc bình đẳng:** Khuyến khích các nước thành viên hợp tác để công nhận các quy định, tiêu chuẩn kỹ thuật và thủ tục đánh giá sự phù hợp của nhau.
- **Nguyên tắc thừa nhận lẫn nhau:** Các nước thành viên được khuyến khích ký kết các thỏa thuận thừa nhận lẫn nhau đối với các kết quả đánh giá sự phù hợp: kết quả thử nghiệm, chứng nhận, hiệu chuẩn, giám định chất lượng hàng hoá.
- **Nguyên tắc minh bạch hóa:** Nguyên tắc này được thể hiện ở việc quy định về lấy ý kiến cho dự thảo quy định kỹ thuật, thời gian có hiệu lực của chúng.

Đây là những công cụ quan trọng mà doanh nghiệp có thể sử dụng để bước đầu nhận biết một biện pháp kỹ thuật có tuân thủ WTO hay không để từ đó có biện pháp khiếu nại, khiếu kiện hợp lý nhằm bảo vệ lợi ích chính đáng của mình. Theo nguyên tắc không phân biệt đối xử được quy định trong Hiệp định TBT thì nước nhập khẩu có nghĩa vụ: Không quy định các biện pháp kỹ thuật khác nhau cho hàng hoá tương tự đến từ các nước thành viên khác nhau của WTO (nguyên tắc tối huệ quốc); Không quy định các biện pháp kỹ thuật cho hàng hoá nước ngoài cao hơn biện pháp kỹ thuật áp dụng cho hàng hoá tương tự nội địa của mình (nguyên tắc đối xử quốc gia). Như vậy, về cơ bản, một nước không được quy định các biện pháp kỹ thuật khác nhau cho hàng hoá tương tự nhau. Điều này có nghĩa hàng hoá Việt Nam khi xuất khẩu sang một nước thành viên WTO sẽ chỉ phải tuân thủ các biện pháp kỹ thuật áp dụng cho hàng hoá tương tự trong nội địa nước đó và hàng hoá tương tự nhập khẩu từ tất cả các nguồn khác. Ngược lại, Việt Nam cũng không được ban hành và áp dụng các biện pháp kỹ thuật đối với hàng hoá nhập khẩu ở mức cao hơn hoặc thấp hơn mức áp dụng cho hàng hoá nội địa.

Liên quan đến các yêu cầu về đặc tính sản phẩm, quy trình sản xuất, đóng gói, bên cạnh các “biện pháp kỹ thuật” (TBT), các nước còn áp dụng các “biện pháp kiểm dịch động thực vật” (SPS). Trên thực tế, có nhiều điểm giống nhau giữa hai loại biện pháp này. Tuy nhiên, WTO có quy định riêng cho mỗi loại biện pháp, tập trung ở hai Hiệp định khác nhau (với các nguyên tắc khác nhau). Tiêu chí để phân biệt hai loại biện pháp này là mục tiêu áp dụng của chúng:

- Các biện pháp SPS hướng tới mục tiêu cụ thể là bảo vệ lãnh thổ của một thành viên, sức khoẻ con người, động thực vật thông qua việc đảm bảo vệ sinh thực phẩm và ngăn chặn các dịch bệnh sâu bệnh;
- Các biện pháp TBT hướng tới nhiều mục tiêu chính sách khác nhau (an ninh quốc gia, môi trường, cạnh tranh lành mạnh...).

Việc phân biệt khi nào một yêu cầu là biện pháp kỹ thuật hay biện pháp vệ sinh dịch tễ là rất quan trọng đối với doanh nghiệp bởi mỗi loại biện pháp sẽ chịu sự điều chỉnh của các nguyên

tắc và quy định khác nhau của WTO; trên cơ sở đó, doanh nghiệp biết bảo vệ quyền lợi của mình bằng phương pháp nào thì thích hợp.

Ví dụ quy định về thuốc sâu: Quy định về lượng thuốc sâu trong thực phẩm hoặc trong thức ăn gia súc nhằm bảo vệ sức khoẻ con người hoặc động vật: Biện pháp SPS; Quy định liên quan đến chất lượng, công năng của sản phẩm hoặc những rủi ro về sức khoẻ có thể xảy ra với người sử dụng: Biện pháp TBT.

Một số nội dung cơ bản của pháp luật Việt Nam về Hàng rào Kỹ thuật trong Thương mại

Ở Việt Nam hiện nay, hàng rào kỹ thuật được thể hiện qua hình thức: quy định về tiêu chuẩn, quy định về quy chuẩn kỹ thuật và thủ tục đánh giá sự phù hợp và một số văn bản quy phạm pháp luật có yếu tố kỹ thuật khác. Văn bản pháp luật của Việt Nam liên quan đến hàng rào kỹ thuật trong thương mại bao gồm: Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật năm 2006, Luật Chất lượng sản phẩm hàng hóa năm 2007, Luật Đo lường, các văn bản pháp luật hướng dẫn văn bản trên và các văn bản pháp luật khác (các Quyết định và Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ về danh mục sản phẩm, hàng hóa phải kiểm tra hay quản lý chất lượng, về đơn vị đo lường và chuẩn đo lường,...).



“Tiêu chuẩn là quy định về đặc tính kỹ thuật và yêu cầu quản lý dùng làm chuẩn để phân loại, đánh giá sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ, quá trình, môi trường và các đối tượng khác trong hoạt động kinh tế – xã hội nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả của các đối tượng này. Tiêu chuẩn do một tổ chức công bố dưới dạng văn bản để tự nguyện áp dụng”. Nguyên tắc áp dụng tiêu chuẩn: nguyên tắc tự nguyện. Hệ thống tiêu chuẩn của Việt Nam bao gồm: Tiêu chuẩn quốc gia (TCVN) do Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ tổ chức xây dựng, Bộ Khoa học và Công nghệ thẩm định, công bố theo trình tự, thủ tục quy định; Tiêu chuẩn cơ sở (TCCS) do tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội – nghề nghiệp, cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp và các cơ quan, tổ chức khác công bố để áp dụng trong các hoạt động của tổ chức đó.

Hệ thống tiêu chuẩn Việt Nam đã góp phần quan trọng trong việc phục vụ nhu cầu sản xuất kinh doanh, quản lý kinh tế xã hội. Về cơ bản, hệ thống tiêu chuẩn Việt Nam đã được xây

dựng và phát triển sát thực các đối tượng cần thiết, được bổ sung kịp thời các tiêu chuẩn thuộc các đối tượng theo yêu cầu quản lý cấp bách. Được soát xét kịp thời để loại ra khỏi hệ thống các tiêu chuẩn Việt Nam đã quá lạc hậu hoặc không còn cần thiết hoặc thuộc các đối tượng có thể quản lý dưới dạng các văn bản khác, hoặc cấp khác.

Quy chuẩn kỹ thuật là quy định về mức giới hạn của đặc tính kỹ thuật và yêu cầu quản lý mà sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ, quá trình, môi trường và các đối tượng khác trong hoạt động kinh tế – xã hội phải tuân thủ để bảo đảm an toàn, vệ sinh, sức khoẻ con người; bảo vệ động vật, thực vật, môi trường; bảo vệ lợi ích và an ninh quốc gia, quyền lợi của người tiêu dùng và các yêu cầu thiết yếu khác. Quy chuẩn kỹ thuật do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành dưới dạng văn bản để bắt buộc áp dụng. Các TCVN sẽ được sử dụng tối đa làm căn cứ kỹ thuật cho việc xây dựng quy chuẩn kỹ thuật.

Hệ thống quy chuẩn của Việt Nam bao gồm: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia (do Bộ trưởng các Bộ, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ ban hành để bắt buộc áp dụng trong phạm vi toàn quốc đối với đối tượng thuộc phạm vi ngành, lĩnh vực được Chính phủ phân công quản lý); quy chuẩn kỹ thuật địa phương (do Chủ tịch ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương ban hành để bắt buộc áp dụng trong phạm vi quản lý của địa phương đối với các sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ, quá trình đặc thù và yêu cầu cụ thể về môi trường của địa phương). Quy chuẩn kỹ thuật địa phương không được trái với quy chuẩn kỹ thuật quốc gia. Việc xây dựng, ban hành quy chuẩn quốc gia phải trải qua một quy trình, thủ tục chặt chẽ và phù hợp với các nguyên tắc và quy định của hiệp định TBT.

Theo quy định của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật của Việt Nam năm 2006 thì “Đánh giá sự phù hợp là việc xác định đối tượng của hoạt động trong lĩnh vực tiêu chuẩn và đối tượng của hoạt động trong lĩnh vực quy chuẩn kỹ thuật phù hợp với đặc tính kỹ thuật và yêu cầu quản lý quy định trong tiêu chuẩn tương ứng và quy chuẩn kỹ thuật tương ứng”. Thủ tục đánh giá sự phù hợp là bất cứ thủ tục nào được sử dụng trực tiếp hoặc gián tiếp để xác định các yêu cầu liên quan trong các quy định kỹ thuật, tiêu chuẩn có được thỏa mãn hay không. Ngoài ra, các thủ tục đánh giá sự phù hợp còn bao gồm: Quy trình lấy mẫu, thử nghiệm và kiểm tra; Đánh giá, thẩm tra và đảm bảo sự phù hợp; Đăng ký, công nhận và chấp nhận cũng như kết hợp của chúng. Để các thủ tục này không trở thành rào cản đối với thương mại thì phải tuân thủ các yêu cầu: thông tin công khai, minh bạch; bảo mật thông tin, số liệu của tổ chức được đánh giá sự phù hợp; không phân biệt đối xử; trình tự, thủ tục đánh giá sự phù hợp phải hài hoà với quy định của tổ chức quốc tế có liên quan. Hoạt động đánh giá sự phù hợp là cơ sở hạ tầng kỹ thuật quan trọng đối với các quy định tiêu chuẩn kỹ thuật.

Kết luận

Việt Nam cần thường xuyên rà soát, xây dựng hệ thống tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật và quy trình đánh giá sự phù hợp, hài hoà với tiêu chuẩn quốc tế và đáp ứng yêu cầu của Hiệp định TBT. Bên cạnh đó, việc xử lý các vấn đề về hàng rào kỹ thuật trong thương mại ở Việt Nam cũng đòi hỏi các cơ quan, ban ngành có liên quan phải có trách nhiệm cao, có trình độ, chuyên môn, phong cách làm việc chuyên nghiệp, trình độ ngoại ngữ tốt.

Ngọc Hòa – TBT Việt Nam

Đáp ứng 86 tiêu chí, doanh nghiệp dệt may mới xuất khẩu được đơn hàng

(VnEconomy.vn) Chủ tịch Hiệp hội dệt may Việt Nam, cho biết lợi ích từ ngành dệt may rất lớn. Tuy nhiên, doanh nghiệp phải đáp ứng 86 chỉ tiêu đánh giá để có được 1 đơn hàng dệt may...



Ảnh minh họa.

Số liệu từ Hiệp hội Dệt may Việt Nam cho thấy, tổng kim ngạch xuất khẩu ngành dệt may trong 9 tháng năm 2024 đã vượt mốc 32,5 tỷ USD, tăng 9,2% so với cùng kỳ. Mục tiêu xuất khẩu 44 tỷ USD của dệt may Việt Nam năm 2024 là rất khả thi.

Các thị trường xuất khẩu chủ lực của Việt Nam đang ấm dần và đã tăng trưởng trở lại như Mỹ, Hàn Quốc, Nhật Bản, Canada ... riêng thị trường EU mức tăng trưởng còn thấp.

Ông Phạm Xuân Hồng, Chủ tịch Hội Dệt may Thêu đan TP.HCM, cho hay hiện đơn hàng của doanh nghiệp dệt may hồi phục tương đối tốt. Nửa cuối năm 2024, tăng trưởng của ngành dự kiến tăng 15% so với nửa đầu năm.

Việc đơn hàng phục hồi là tín hiệu tốt. Tuy nhiên, khó khăn hiện nay của các doanh nghiệp là thiếu lực lượng lao động để đáp ứng được đơn hàng.

Bên cạnh đó, các chứng chỉ xanh được yêu cầu từ thị trường châu Âu, Mỹ, Nhật, Hàn. Và nay ngay cả Trung Quốc cũng đưa ra hàng loạt đòi hỏi về sản phẩm dệt may.

5 năm gần đây, doanh nghiệp Việt Nam không thể tăng giá được đơn hàng do nhiều yếu tố, trong đó có yếu tố xanh trong hoạt động sản xuất đã cản bước tăng giá thành sản phẩm may mặc.

Làm sao để hoạt động vẫn hiệu quả, giải quyết được việc làm cho người lao động là bài toán đau đầu của nhiều doanh nghiệp dệt may Việt Nam hiện nay.

Vậy phải đi theo hướng nào? Các nhãn hàng lớn như Nike, Adidas, H&M... giờ doanh nghiệp không được đốt nồi hơi bằng than đá, củi mà phải dùng điện để đốt, với chi phí đốt vải vụn tăng 15% chi phí sản xuất.

Theo ông Vũ Đức Giang, Chủ tịch Hiệp hội dệt may Việt Nam, ngành dệt may đã đi trước về chứng chỉ xanh trong 5 năm gần đây, nếu không thì không có đơn hàng như hôm nay.

“Lợi ích từ ngành dệt may rất lớn. Tuy nhiên, doanh nghiệp phải đáp ứng 86 chỉ tiêu đánh giá để có được 01 đơn hàng dệt may, không đơn giản chút nào”, ông Giang tâm tư.



Ông Vũ Đức Giang, Chủ tịch Hiệp hội dệt may Việt Nam, cho rằng, cho rằng để đạt được các chỉ tiêu xanh, doanh nghiệp phải đầu tư tận gốc, quản trị số, robot hóa là tất yếu - Ảnh: PA.

Ông Giang cho rằng để đạt được các chỉ tiêu xanh, doanh nghiệp phải đầu tư tận gốc, quản trị số, robot hóa là tất yếu. Tại TP.HCM, hiện ngành dệt may đã có các nhà máy robot hóa. Như công ty quốc tế Phong Phú, nhà máy ở quận 9, robot hóa, đạt các chuẩn mực tiêu chuẩn xanh.

Bà Bùi Thị Thu Hà, quản lý dự án Sáng kiến tài chính công bằng Việt Nam (FFV), cho rằng các doanh nghiệp chủ động muốn xanh, trước tiên là các nhà xuất khẩu, vì sản phẩm phải đạt được các chỉ tiêu xanh. Cụ thể là nhà xuất khẩu giày, may mặc, mái nhà các phân xưởng phải là điện mặt trời. Họ sẽ là người chủ động trong việc xanh hóa, là những khách hàng xanh đầu tiên. Tiếp đó là các nhà xuất khẩu trong lĩnh vực nông nghiệp.

Từ 2024, tất cả khách hàng doanh nghiệp không chỉ đánh giá rủi ro về tài chính, tín dụng mà còn đánh giá rủi ro về môi trường xã hội.

Ngoài ra, các doanh nghiệp dệt may đang cần nhiều vốn để xanh hóa hoạt động. Chia sẻ tại hội thảo “Tài chính xanh: Chia sẻ lợi ích – rủi ro giữa doanh nghiệp và ngân hàng” do Báo SGGP Đầu tư Tài chính phối hợp với Trung tâm nghiên cứu Kinh doanh và hỗ trợ doanh nghiệp tổ chức mới đây, bà Nguyễn Thị Thu Hà, Đại học Kinh tế TP.HCM, cho rằng các doanh nghiệp chuyển đổi xanh cần cách tiếp cận vốn mới trong việc phục vụ mục tiêu chuyển đổi xanh. Theo đó, xu hướng tài chính hỗn hợp (blended finance) kết hợp các nguồn vốn công và tư, giúp giảm rủi ro và thu hút đầu tư vào các dự án khí hậu.

Nguồn vốn này từ quỹ đầu tư mạo hiểm, các nhà tài trợ tổ chức, nhà đầu tư thiên thần và các tổ chức tài chính phát triển (DFI). Trên thực tế, một số doanh nghiệp dệt may, xuất khẩu tại Việt Nam ứng dụng công nghệ để quản lý tài nguyên của mình.

Mộc Minh

Ngành dệt may đối mặt Thỏa thuận Xanh châu Âu

(VnEconomy.vn) Mặc dù các chính sách xanh của EU đang đặt ra những thách thức lớn cho xuất khẩu dệt may Việt Nam, nhưng trong dài hạn, việc chủ động chuyển đổi xanh một cách đồng bộ và toàn diện có thể mang lại những cơ hội cho doanh nghiệp...

Thỏa thuận Xanh châu Âu (The European Green Deal - EGD) là Chương trình tổng thể và dài hạn của Liên minh châu Âu (EU) nhằm ứng phó với các vấn đề khẩn cấp về khí hậu toàn cầu đến năm 2050. Được thông qua ngày 15/1/2020, Thỏa thuận Xanh châu Âu định hình chiến lược của EU để đạt mục tiêu phát thải ròng khí nhà kính bằng 0 (trung hòa về phát thải) và trở thành khu vực kinh tế sử dụng ít nhất các nguồn lực tự nhiên vào năm 2050.

CHUYỂN ĐỔI XANH LÀ TẤT YẾU

Các đối thủ cạnh tranh chính của Việt Nam trong lĩnh vực dệt may tại thị trường EU, bao gồm Trung Quốc, Bangladesh, Thổ Nhĩ Kỳ và một số quốc gia ASEAN như Myanmar, Campuchia, Lào và Indonesia... đang không ngừng nâng cao năng lực cạnh tranh. Đặc biệt, nhiều nước trong số này đã và đang tích cực chuyển đổi sang mô hình sản xuất dệt may bền vững để đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của Thỏa thuận Xanh. Trước áp lực này, ngành dệt may Việt Nam cần nhanh chóng bắt nhịp và đẩy mạnh quá trình chuyển đổi xanh để duy trì và nâng cao vị thế trên thị trường EU.



Ảnh minh họa.

Ngày 25 - 28/9/2024, 4 triển lãm chuyên ngành dệt may đã được khai mạc tại TP.HCM, trưng bày những giải pháp công nghệ mới nhất giúp ngành dệt may Việt Nam tiếp cận được công nghệ hiện đại, từ đó đáp ứng các tiêu chuẩn ESG (môi trường - xã hội - quản trị) nghiêm ngặt của EU. Ông Thân Đức Việt, Tổng Giám đốc Tổng công ty May 10, cho biết nhiều nước tại thị trường EU đã yêu cầu sản phẩm dệt may phải có tuổi thọ lâu dài, có thể tái chế, tái sử dụng được để giảm tiêu thụ tài nguyên, giảm gây hiệu ứng nhà kính, giảm sử dụng nước và hóa chất độc hại.

Trong thông điệp gửi tới các cổ đông mới đây, ông Nguyễn Văn Thời, Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG, nhấn mạnh khi xu thế thương mại xanh là tất yếu, những bước đi đầu tiên trên hành trình cắt giảm carbon hôm nay sẽ đặt nền móng cho sự phát triển bền vững trong tương lai.

“Khi ngày càng nhiều thị trường lớn đưa ra những quy định mới mang tính bắt buộc liên quan tới môi trường trong chuỗi cung ứng, quy định thiết kế sinh thái, sản phẩm tái chế, xử lý chất thải dệt may, mặc dù chi phí đầu tư cao, chuyển đổi xanh là tất yếu. TNG sẽ mạnh dạn đi trước đón đầu để tiếp tục giữ vững vị thế của mình trên thị trường xuất khẩu”, ông Thời khẳng định.

Tại Thái Bình, Công ty Cổ phần May xuất khẩu Việt Thái chuyên xuất khẩu mặt hàng đi các nước châu Âu, Mỹ. Ông Đặng Việt Long, Phó Tổng Giám đốc, cho biết công ty hiện có 2.500 cán bộ công nhân viên, trong đó có khoảng 2.000 công nhân trực tiếp sản xuất. Để giảm phát thải carbon, công ty đã chuyển đổi toàn bộ việc sử dụng lò hơi than sang lò hơi điện. Bên cạnh đó, công ty cũng đang lắp đặt hệ thống điện mặt trời và dự kiến trong

sắp đi vào hoạt động. Bên cạnh đó, để quản lý số liệu cho toàn bộ công ty, phía công ty cũng đã áp dụng phần mềm quản lý chi tiết từ đầu vào, đầu ra của mặt hàng.



Những bước đi đầu tiên trên hành trình cắt giảm carbon hôm nay sẽ đặt nền móng cho sự phát triển bền vững trong tương lai.

Tại Thanh Hóa, khoảng 60% hàng dệt may của Công ty DehanGlobal xuất khẩu sang thị trường Mỹ. Để đáp ứng được yêu cầu của đối tác, Công ty đã tập trung đầu tư công nghệ, đặc biệt là các chứng chỉ đánh giá nhà máy, chứng chỉ về an toàn cho sản phẩm vào thị trường. Ông Nguyễn Văn Đô, Chủ tịch Hội đồng thành viên công ty, cho biết: “Muốn tuân thủ thì chúng ta phải đầu tư, ví dụ trước kia nhà xưởng nhỏ bây giờ phải lớn hơn, phải có thiết bị điều hòa nhiệt độ, năng lượng mặt trời, những thiết bị hỗ trợ khác... Đầu tư lớn hơn nhưng cũng phải tạo ra năng suất tốt hơn cho người lao động, đó là quy luật”.

Trong khuôn khổ hội thảo “Ứng dụng AI và sản xuất thông minh thúc đẩy sản xuất ngành may mặc” vừa qua, ông Phạm Văn Việt, Chủ tịch HĐQT công ty TNHH Việt Thắng Jean, Phó chủ tịch Hội Dệt may thêu đan TP.HCM, cho rằng việc áp dụng công nghệ, khoa học, kỹ thuật vào quy trình sản xuất đang trở thành yêu cầu bắt buộc với các doanh nghiệp sản xuất hàng xuất khẩu.

“Doanh nghiệp phải đẩy mạnh ứng dụng công nghệ cho tất cả các khâu, từ sản xuất nguyên liệu sợi - dệt, thiết kế, may và xây dựng thương hiệu một cách hoàn chỉnh. Tuy nhiên, việc chuyển đổi này đòi hỏi doanh nghiệp phải có đủ nguồn lực tài chính và nhân sự, đây là rào cản đối với phần lớn doanh nghiệp hiện nay”; ông Việt chia sẻ.

Theo số liệu thống kê của Tổng cục Hải quan Việt Nam, trị giá xuất khẩu nhóm hàng dệt may sang thị trường EU 8 tháng đầu năm 2024 đạt trên 2,78 tỷ USD, tăng 7,49% so với

cùng kỳ năm 2023. Đồng thời, trong 8 tháng đầu năm 2024, có 6 thị trường lớn xuất khẩu hàng dệt may sang EU đạt kim ngạch trên 100 triệu USD. Với quy mô xuất khẩu đứng thứ ba trên thế giới, sử dụng hơn 2 triệu lao động, rõ ràng những ảnh hưởng của thị trường, xu hướng thế giới đến ngành dệt may Việt Nam là rất lớn.

Tại hội thảo “Thoả thuận xanh EU tác động tới xuất khẩu của Việt Nam: những điều doanh nghiệp cần biết”, ông Nguyễn Quang Vinh, Phó Chủ tịch VCCI, chia sẻ: “Việc theo dõi và thích ứng với các chính sách trong khuôn khổ Thỏa thuận xanh EU là yêu cầu cấp bách đối với doanh nghiệp sản xuất, xuất khẩu của Việt Nam để duy trì và phát triển bền vững ở thị trường EU nói riêng và những thị trường cũng đang có những hành động chuyển đổi xanh theo hướng tương tự”...

Lưu Hà

EU thay đổi quy định kiểm dịch động thực vật, an toàn thực phẩm đối với hàng nhập khẩu

(CongThuong.vn) Các quy định rào cản kỹ thuật tại thị trường EU đang đặt ra không ít thách thức cho xuất khẩu nông lâm thủy sản của Việt Nam sang thị trường này.

Liên minh châu Âu (EU) hiện bao gồm 27 quốc gia thành viên, dân số khoảng 450 triệu người. Theo báo cáo của Ngân hàng thế giới, GDP năm 2021 của EU đạt 17 ngàn tỷ USD chiếm gần 18% tổng GDP toàn cầu, GDP bình quân đầu người đạt trên 38.000 USD.

EU là thị trường tiêu thụ nông lâm thủy sản lớn thứ 3 thế giới. Hàng năm EU nhập khẩu khoảng trên 300 tỷ USD các mặt hàng nông, lâm, thủy sản. Năm 2024, dự báo kim ngạch xuất khẩu nông lâm thủy sản của EU sẽ đạt khoảng 345,14 tỷ USD, tốc độ tăng khoảng 7,16%; kim ngạch nhập khẩu nông, lâm, thủy sản của EU khoảng 323,4 tỷ USD tăng 6,44%.

Dẫn số liệu từ Eurostat năm 2020, Thương vụ Việt Nam tại Bỉ và EU cho biết, kim ngạch nhập khẩu nông, lâm, thủy sản từ Việt Nam sang EU đạt khoảng 1,9% trong tổng kim ngạch nhập khẩu của EU xếp thứ 11 trong danh sách các nước xuất khẩu nông lâm thủy sản vào EU. EU là 1 trong 4 thị trường xuất khẩu nông lâm thủy sản lớn nhất của Việt Nam sau Hoa Kỳ, Trung Quốc và ASEAN.

Thương vụ Việt Nam tại Bỉ và EU nhấn mạnh, hệ thống pháp luật của EU về an toàn thực phẩm và kiểm dịch động thực vật hoàn thiện, đầy đủ và minh bạch, thường xuyên được sửa đổi bổ sung nhằm đảm bảo và bảo vệ sức khỏe con người, động, thực vật và môi trường.

Cho đến nay EU công nhận Việt Nam và được phép xuất khẩu các động vật vào EU. Hiện tại chỉ có các nhóm sản phẩm có nguồn gốc động vật của Việt Nam được xuất khẩu sang EU là thủy sản và động vật thân mềm hai mảnh vỏ, ốc, đùi ếch, gelatine, collagen, một vài loại sản phẩm chế biến từ sản phẩm phụ động vật, thức ăn vật nuôi trong nhà và mật ong.



Về quản lý an toàn thực phẩm chung, EU tiếp cận theo hướng tích hợp đối với an toàn thực phẩm bao gồm tất cả các lĩnh vực của chuỗi thực phẩm và thức ăn chăn nuôi. Ảnh minh họa

Việt Nam hiện đang xem xét đăng ký để đưa sản phẩm gia cầm và thủy sản vào danh mục được phép xuất khẩu vào EU. Danh sách các doanh nghiệp được EU chấp thuận gần 600 doanh nghiệp chủ yếu là doanh nghiệp xuất khẩu thủy sản (thủy sản: 523 doanh nghiệp; nhuyễn thể 2 mảnh vỏ, đùn ốc, ốc: 33 doanh nghiệp; sản phẩm chế biến động vật geletine, collagen, mật ong: 16 doanh nghiệp...).

Về quản lý an toàn thực phẩm chung, EU tiếp cận theo hướng tích hợp đối với an toàn thực phẩm bao gồm tất cả các lĩnh vực của chuỗi thực phẩm và thức ăn chăn nuôi. Nông sản, thực phẩm hàng hóa của các nước thứ ba bên ngoài EU tiếp cận thị trường, EU áp dụng các biện pháp quản lý an toàn thực phẩm đối với nhóm sản phẩm có nguồn gốc động vật và thực vật khác nhau. Nhóm sản phẩm có nguồn gốc thực vật, EU áp dụng cách tiếp cận mở và mang tính hậu kiểm khác với các biện pháp của các đối tác nhập khẩu nông sản thực phẩm lớn khác. Đối với nhóm sản phẩm có nguồn gốc động vật gồm cả động vật trên cạn và dưới nước, có cách tiếp cận chặt chẽ theo 3 tiêu chí quốc gia, nhóm sản phẩm và doanh nghiệp được EU phê duyệt, kèm theo các chương trình kiểm soát quốc gia thực hiện song song hoặc một số loại, bệnh, vi sinh vật gây hại trên động vật cả trên cạn và dưới nước, kiểm soát các chất tồn dư độc tố, kháng sinh trong sản phẩm động vật và các chương trình kiểm soát vi sinh vật, độc tố

kim loại nặng đối với thủy sản, kế hoạch giám sát, dịch bệnh đối với gia súc, gia cầm... mới được phép tiếp cận thị trường EU.

Việt Nam là một trong 4 nước châu Á ký Hiệp định Thương mại tự do với EU, Hiệp định thương mại tự do EU - Việt Nam (EVFTA) hiệu lực từ 1/8/2020, đem lại nhiều cơ hội, góp phần thúc đẩy tăng trưởng xuất khẩu nông lâm thủy sản.

Tuy nhiên, trong thực tế cũng đặt ra không ít thách thức cho xuất khẩu nông lâm thủy sản của Việt Nam khi thuế quan giảm xuống nhưng vẫn đối mặt các khó khăn liên quan đến các quy định rào cản kỹ thuật tại thị trường EU ngày càng có xu hướng tăng lên và thực hiện sâu rộng hơn.

Xu hướng người tiêu dùng EU đang ngày càng đòi hỏi khắt khe hơn đối với nông lâm thủy sản nhập khẩu về các vấn đề đảm bảo an toàn thực phẩm; thân thiện với môi trường, giảm phát thải carbon, ghi nhãn năng lượng, phúc lợi động vật; và thể hiện trách nhiệm xã hội và thậm chí chấp nhận một số sản phẩm mới lạ từ bên ngoài tiếp cận thị trường EU.

Những thay đổi lớn trong cách tiếp cận thị trường

Liên quan đến Luật Bảo vệ thực vật và kiểm dịch thực vật EU, Thương vụ cho biết, luật mới tạo ra thay đổi lớn trong cách tiếp cận chủ động hơn nhằm mục đích ngăn chặn sự xâm nhập hoặc lây lan của dịch bệnh và sinh vật gây hại cho cây trồng hoặc các sản phẩm thực vật trên phạm vi toàn EU.

Quy định mới của EU về sức khỏe thực vật nhằm mục đích bảo vệ nông và lâm nghiệp châu Âu, ngăn chặn sự xâm nhập và lây lan của các sinh vật gây hại. Các biện pháp này là bắt buộc không thể thiếu để bảo vệ sức khỏe, nền kinh tế và khả năng cạnh tranh của trồng trọt và môi trường của EU, cũng như duy trì chính sách thương mại mở của Liên minh Châu Âu.

Theo quy định mới, để thâm nhập lãnh thổ EU, tất cả loại thực vật sống (bao gồm toàn bộ cây, bộ phận của cây, quả, hoa cắt cành, hạt...) phải yêu cầu kèm theo giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật phù hợp với quy định của EU. EU cũng quy định miễn các yêu cầu cung cấp giấy chứng nhận kiểm dịch trong các trường hợp sau với điều kiện không có nguy cơ lây lan các sinh vật gây hại: Không yêu cầu giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật đối với 5 loại trái cây việc nhập khẩu gồm: dưa, chuối, dứa, sầu riêng và chà là...

Việc kiểm tra bổ sung, tăng tần suất kiểm tra trong các trường hợp khẩn cấp đối với một số sản phẩm có nguồn gốc thực vật của một số nước vào thị trường EU nguy cơ cao về khả năng lây lan sinh vật gây hại cây trồng hoặc tác động tiêu cực đến sức khỏe người tiêu dùng và môi trường... EU cũng đưa ra các biện pháp kiểm soát dài hạn phòng chống một số bệnh đối với cây trồng gây ảnh hưởng tại một số khu vực của EU.

Liên quan đến quản lý thuốc bảo vệ thực vật, EU quy định mức dư lượng tối đa (MRL) mặc định là 0,01 mg/kg đối với các chất trong danh mục được phép sử dụng. Quy định này cho phép các nhà xuất khẩu yêu cầu "dung sai nhập khẩu" đối với các hoạt chất chưa được đánh giá hoặc sử dụng ở EU.



Theo quy định mới, để thâm nhập lãnh thổ EU, tất cả loại thực vật sống phải yêu cầu kèm theo giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật phù hợp với quy định của EU. Ảnh minh họa

Ngoài ra, EU cũng ra quy định mới về giới hạn dư lượng tối đa (MRL), EU đưa ra quy định áp dụng dư lượng thuốc bảo vệ thực vật đối với tất cả các loại sản phẩm nông nghiệp làm thực phẩm và thức ăn chăn nuôi. Quy định này bắt buộc đối với cả sản phẩm nông nghiệp sản xuất tại EU và nhập khẩu.

Thương vụ Việt Nam tại Bỉ và EU nhấn mạnh, các quy định chặt chẽ hơn của Luật Bảo vệ và Kiểm dịch thực vật mới EU có tác động lớn đến các nước thứ ba xuất khẩu thực vật và sản phẩm thực vật vào EU. Những tác động này ảnh hưởng đến cả cơ quan quản lý, các doanh nghiệp sản xuất, xuất khẩu tư nhân. Cơ quan có thẩm quyền tại các nước xuất khẩu phải đảm bảo xây dựng biện pháp cần thiết, tăng cường đầu tư hệ thống cơ sở vật chất, áp dụng một cách hiệu quả trong toàn bộ quá trình sản xuất, xuất khẩu để đảm bảo rằng hàng hóa xuất khẩu đáp ứng đầy đủ các quy định mới của EU. Khả năng hiện diện, mức độ gây hại thấp, đặc biệt là những loại dịch hại gây ra mối nguy cho lãnh thổ EU và không tuân thủ, kiểm soát tốt các biện pháp kiểm dịch có thể dẫn đến việc áp dụng các biện pháp kiểm soát bổ sung hoặc cấm nhập khẩu.

Đối với các cơ quan có thẩm quyền ở một số nước xuất khẩu, việc đáp ứng các quy định mới đòi hỏi phải đầu tư vào cơ sở hạ tầng, nhân lực, xây dựng năng lực và tập trung nguồn lực để đáp ứng các yêu cầu, quy định, thanh tra và các yêu cầu bổ sung. Tác động đối với cả khu vực công và tư nhân, đặc biệt ở một số nước thứ ba khi chuỗi giá trị bị yêu cầu áp dụng các yêu cầu đặc biệt đối với xuất khẩu thực vật và sản phẩm thực vật.

Thương vụ nhấn mạnh, các nhà sản xuất ở các nước xuất khẩu bên ngoài EU phải đối mặt với khó khăn, thách thức, những yêu cầu bổ sung trong việc giải quyết vấn đề kiểm dịch thực vật đối với sản phẩm thực phẩm xuất khẩu. Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật mới của EU được ban hành thực thi trong bối cảnh, khuyến khích nông dân có xu hướng giảm sử dụng thuốc bảo vệ thực vật trong sản xuất và mức dư lượng thuốc trừ sâu tối đa được phép tồn dư trong sản phẩm giảm.

Hoàng Sơn

Indonesia: Quy định về thời hạn chứng nhận Halal cho hàng thực phẩm được điều chỉnh thế nào?

(Logistic.gov.vn) Chính phủ Indonesia đã hoãn yêu cầu chứng nhận halal đối với các Doanh nghiệp siêu nhỏ, nhỏ và vừa (MSME) sau cuộc họp nội các hạn chế do Tổng thống đương nhiệm và các bộ trưởng có liên quan chủ trì. Quyết định này đã gia hạn thời hạn để các MSME có được chứng nhận halal từ ngày 1 tháng 10 năm 2024 sang ngày 17 tháng 10 năm 2026, với lý do các MSME chưa sẵn sàng tuân thủ quy định. Thay đổi này sau đó đã được chính thức hóa (cùng với các thay đổi khác) thông qua Quy định số 42 của Chính phủ năm 2024 về việc Thực hiện Đảm bảo Sản phẩm Halal (GR 42/2024), bãi bỏ Quy định số 39 của Chính phủ trước đó năm 2021 (GR 39/2021).

GR 42/2024 đưa ra một số điều khoản mới và sửa đổi các điều khoản hiện hành theo GR 39/2021, bao gồm nhưng không giới hạn ở việc gia hạn thời hạn chứng nhận halal cho các sản phẩm và thành phần thực phẩm và đồ uống, cũng như các sản phẩm từ dịch vụ giết mổ và giết mổ, điều chỉnh thời hạn hiệu lực của chứng chỉ halal, công nhận chứng nhận halal nước ngoài và làm rõ các nghĩa vụ khác nhau áp dụng cho các doanh nghiệp và Cơ quan kiểm tra Halal.

GR 42/2024 chủ yếu kéo dài thời hạn tuân thủ để xin chứng nhận halal cho thực phẩm, sản phẩm đồ uống, thành phần và dịch vụ liên quan đến giết mổ, cụ thể là đối với các doanh nghiệp siêu nhỏ và nhỏ và các sản phẩm nước ngoài. Thời hạn đối với các doanh nghiệp vừa và lớn vẫn không thay đổi vào ngày 17 tháng 10 năm 2024, nghĩa là các doanh nghiệp này phải tuân thủ chứng nhận halal bắt buộc để tránh bị xử phạt hành chính.

Hơn nữa, các doanh nghiệp nên lưu ý đến các yêu cầu và nghĩa vụ bổ sung được đưa ra theo GR 42/2024 để đảm bảo tuân thủ đầy đủ các quy định đã cập nhật.

Thời hạn chứng nhận Halal

Trước đây trong GR 39/2021, chính phủ Indonesia đã đặt ra thời hạn thống nhất là ngày 17 tháng 10 năm 2024 để chứng nhận halal cho các sản phẩm, thành phần và dịch vụ thực phẩm và đồ uống liên quan đến giết mổ, bất kể quy mô kinh doanh. Tuy nhiên, GR 42/2024 đưa ra cấu trúc thời hạn đã sửa đổi như sau:

Quy mô doanh nghiệp/Danh mục	Hạn cuối
Doanh nghiệp lớn và trung bình	17/10/ 2024
Doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ	17/10/2026
Hàng hóa/dịch vụ nước ngoài	Do Bộ trưởng Bộ Tôn giáo quyết định

Lưu ý: với các sản phẩm không phải thực phẩm và đồ uống phải chứng nhận halal, thời hạn vẫn được quy định như trong GR 39/2021

Lĩnh vực	Giai đoạn chứng nhận Halal
Thực phẩm bổ sung sức khỏe và y học cổ truyền	17/10/2021-17/10/2026
Thuốc không kê đơn	17/10/2021-17/10/2029
Thuốc không bao gồm thuốc hướng thần	17/10/2021-17/10/2029
Mỹ phẩm, sản phẩm biến đổi gen, sản phẩm hóa học	17/10/2021-17/10/2026
Quần áo, mũ nón	17/10/2021-17/10/2026
Sản phẩm chăm sóc sức khỏe gia đình, đồ dùng văn phòng, đồ dùng gia đình	17/10/2021-17/10/2026
Thiết bị y tế được phân loại là loại rủi ro A	17/10/2021-17/10/2026
Thiết bị y tế được phân loại là loại rủi ro B	17/10/2021-17/10/2029
Thiết bị y tế được phân loại là loại rủi ro C	17/10/2021-17/10/2034

Thay đổi trong quy định về Chứng nhận Halal: Thời hạn và gia hạn

Chính phủ Indonesia trước đây đã quy định rằng chứng nhận halal do Cơ quan tổ chức đảm bảo sản phẩm Halal Indonesia (BPJPH) cấp sẽ có hiệu lực trong 4 năm theo GR 39/2021, với các đơn xin gia hạn phải nộp ít nhất 3 tháng trước ngày hết hạn.

Tuy nhiên, theo GR 42/2024, chứng nhận halal do BPJPH cấp hiện có hiệu lực vĩnh viễn, với điều kiện không có thay đổi nào về thành phần vật liệu hoặc quy trình sản phẩm halal (PPH). Do đó, không cần phải gia hạn trừ khi có thay đổi trong sản phẩm. Nếu có bất kỳ thay đổi nào về thành phần vật liệu, PPH hoặc quá trình phát triển sản phẩm, các doanh nghiệp phải cập nhật chứng nhận halal của mình bằng cách nộp đơn lên BPJPH kèm theo các tài liệu hỗ trợ.

Chứng nhận Halal cho sản phẩm nước ngoài

GR 42/2024 đưa ra các điều khoản làm rõ quy trình chứng nhận halal cho sản phẩm nước ngoài. Các doanh nghiệp muốn xin chứng nhận halal cho sản phẩm nước ngoài phải nộp đơn thông qua đơn vị nhập khẩu hoặc đại diện được ủy quyền có trụ sở tại Indonesia. Đơn xin này phải đáp ứng một số điều kiện nhất định, bao gồm:

Quốc gia xuất xứ không có tổ chức halal nước ngoài;

Tổ chức halal nước ngoài có thỏa thuận công nhận lẫn nhau nhưng không có thẩm quyền chứng nhận sản phẩm có liên quan;

Không có thỏa thuận hợp tác hoặc công nhận lẫn nhau nào giữa tổ chức halal nước ngoài và Cơ quan Halal Indonesia (BPJPH); hoặc

Doanh nghiệp muốn xin chứng nhận một cách tự nguyện.

Nếu sản phẩm nước ngoài đã được chứng nhận halal tại quốc gia xuất xứ bởi một tổ chức halal nước ngoài được công nhận có thỏa thuận công nhận lẫn nhau với BPJPH, thì doanh nghiệp không bắt buộc phải nộp đơn xin chứng nhận halal tại Indonesia. Tuy nhiên, chứng nhận halal nước ngoài phải được đăng ký trước khi sản phẩm có thể được phân phối tại Indonesia. Việc đăng ký tuân theo thủ tục nêu trong GR 39/2021 và thời hạn hiệu lực của chứng chỉ sẽ phù hợp với thời hạn của chứng chỉ halal nước ngoài.

Ngoài ra, GR 42/2024 thay đổi thời hạn gia hạn giấy chứng nhận đăng ký halal nước ngoài từ 90 ngày (như quy định tại GR 39/2021) thành 60 ngày trước khi hết hạn.

Lưu ý về các nghĩa vụ mới cho doanh nghiệp:

GR 42/2024 đưa ra các nghĩa vụ bổ sung cho các doanh nghiệp đã đạt được chứng nhận halal, bổ sung cho các yêu cầu đã được quy định trong GR 39/2021. Các nghĩa vụ mới này bao gồm:

- Gắn nhãn halal cho các sản phẩm đã được chứng nhận halal;
- Duy trì tính toàn vẹn halal của các sản phẩm đã nhận được chứng nhận halal;
- Phân tách các địa điểm, cơ sở và công cụ được sử dụng để giết mổ, chế biến, lưu trữ, đóng gói, phân phối, bán và trình bày giữa các sản phẩm halal và không halal;
- Gia hạn Giấy chứng nhận Halal nếu có thay đổi về thành phần nguyên liệu và/hoặc PPH; và
- Báo cáo bất kỳ thay đổi nào về thành phần nguyên liệu và/hoặc PPH cho BPJPH.
- Các doanh nghiệp được yêu cầu duy trì tính toàn vẹn halal của sản phẩm bằng cách xin Giấy chứng nhận tính nhất quán halal của sản phẩm, được cấp sau khi đánh giá Hệ thống đảm bảo sản phẩm halal (SJPH) của họ. Đánh giá này phải được tiến hành bốn năm một lần. Đối với các doanh nghiệp siêu nhỏ và nhỏ, đánh giá sẽ dựa trên phân tích rủi ro.
- Việc không tuân thủ các nghĩa vụ bổ sung này và các điều khoản khác theo GR 42/2024 có thể dẫn đến các biện pháp trừng phạt hành chính, bao gồm khiển trách bằng văn bản, phạt tiền hành chính, thu hồi chứng nhận halal hoặc thu hồi các sản phẩm đã phân phối.

Nguồn: Trung tâm Thông tin, trích từ Báo cáo tháng thị trường logistics ASEAN và các lưu ý đối với Việt Nam

Indonesia ban hành quy định mới về kiểm dịch sản phẩm nhập khẩu

(Moit.gov.vn) Cơ quan kiểm dịch Indonesia-IQA đã ban hành Quyết định số 09/2024 (Quyết định 09/2024 tiếng Indonesia và bản dịch tham khảo tiếng Anh gửi kèm) về chứng từ kiểm dịch và con dấu (bắt đầu áp dụng từ 01/10/2024).

Theo đó một số nội dung trọng tâm tại Quyết định này cần lưu ý:

1. Quy định mới về thông báo báo trước (Prior Notice) và thông báo Notification of Non-Compliance dành cho các công ty xuất khẩu nước xuất xứ, áp dụng cho các sản phẩm: động vật và các sản phẩm động vật, cá và các sản phẩm cá; thực vật và các sản phẩm thực vật. Các doanh nghiệp xuất khẩu thực hiện khai báo theo biểu mẫu (tại Quyết định số 09/2024): Prior Notice theo mẫu (K.1.2) và Notification of Non-Compliance theo mẫu (K-7.4/ nếu sản phẩm thuộc diện phải khai báo). Để khai báo Prior Notice (bắt buộc với tất cả sản phẩm động vật và các sản phẩm động vật, cá và các sản phẩm cá; thực vật và các sản phẩm thực vật), doanh nghiệp truy cập tại <https://notice.karantinaindonesia.go.id> sau đó đăng ký tài khoản với Cơ quan kiểm dịch Indonesia và thực hiện khai báo theo mẫu.

2. Các loại giấy tờ kiểm dịch bắt buộc phải có đối với các sản phẩm xuất khẩu trước khi hàng hóa xuất khẩu sang Indonesia (Phụ Lục II tại Quyết định 09/2024).

3. Các mẫu giấy tờ kiểm dịch do Cơ quan kiểm dịch Indonesia ban hành dành cho các sản phẩm xuất khẩu của Indonesia (các biểu mẫu tại Quyết định 09/2024): Animal Health Certificate (KH-1), Sanitary Certificate of Animal Products (KH-2), Health Certificate for Fish and Fish Products (KI-1), Phytosanitary Certificate (KT-1), Phytosanitary Certificate for re-export (KT-2), and Certification for Export of Processed Product/Non-Regulated Article (KT-4).

Thương vụ Việt Nam tại Indonesia đề nghị các doanh nghiệp xuất khẩu các sản phẩm có liên quan của Việt Nam sang Indonesia cần đọc kỹ và thực hiện theo hướng dẫn tại Quyết định 09/2024 nhằm tránh các ắc tắc tại cảng Indonesia do không thực hiện đúng theo quy định về kiểm dịch mới của Indonesia.

Nguồn: Thương vụ Việt Nam tại Indonesia



Chiến lược tiếp cận thị trường và xây dựng thương hiệu thủy sản tại Vương quốc Anh

Xuất khẩu thủy sản Việt Nam sang Anh đang có lợi thế cạnh tranh hơn so với các thị trường: Ấn Độ, Indonesia, Thái Lan... bởi họ chưa có FTA với Vương quốc Anh.

Xuất khẩu thủy sản tận dụng tốt UKVFTA

Sau hơn 3 năm thực thi, những kết quả tích cực Hiệp định UKVFTA mang lại đối với hoạt động thương mại, đầu tư giữa cộng đồng doanh nghiệp Việt Nam và Vương Quốc Anh đã được khẳng định rõ ràng. Trong đó, thủy sản là ngành hàng đã và đang được hưởng lợi nhiều nhất.

Thông tin cụ thể về tình hình tận dụng ưu đãi từ UKVFTA của ngành thủy sản, ông Nguyễn Hoài Nam - Phó Tổng thư ký Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu Thủy sản Việt Nam (VASEP) - cho biết, lợi thế mà UKVFTA mang lại đó là ngay khi có hiệu lực, thuế quan ưu đãi xuất khẩu đối với ngành hàng tôm, cá tra đã chuyển về 0%. Hiện nay, mặt hàng tôm đang chiếm 70% tổng kim ngạch mà xuất khẩu thủy sản Việt Nam sang Anh và xuất khẩu cá tra chiếm 20%.

Như vậy, kim ngạch xuất khẩu của hai mặt hàng này đã chiếm 90% trong tổng số kim ngạch xuất khẩu trung bình của Việt Nam trong 3 năm qua, chiếm khoảng 300 - 350 triệu USD/năm, tương đương với khoảng 4% tổng kim ngạch xuất khẩu của thủy sản Việt Nam ra toàn cầu.

“Đây là một con số rất ấn tượng. Bởi nếu nhìn vào thị trường đơn lẻ, Anh đang là thị trường đứng thứ 6 của thủy sản Việt Nam. Mặc dù chưa vào câu lạc bộ tỷ USD, nhưng 9 tháng qua, xuất khẩu thủy sản sang Anh đã tăng trưởng khoảng 8% so với cùng kỳ năm trước” - ông Nguyễn Hoài Nam thông tin và nhận định, những lợi thế ưu đãi từ Hiệp định UKVFTA đã thúc đẩy tăng trưởng xuất khẩu ngành hàng thủy sản sang Vương quốc Anh bất chấp những tác động từ đại dịch Covid-19 hay những cuộc xung đột địa chính trị trên toàn cầu.

Không chỉ vậy, xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam sang Anh đang có lợi thế cạnh tranh hơn so với những thị trường khác, bởi các thị trường như Ấn Độ, Indonesia, Thái Lan... đều chưa có FTA với Vương quốc Anh. Song, để tận dụng được tốt hơn những ưu đãi thuế quan từ Hiệp định này, ông Nam cho rằng, cần sẵn sàng và chủ động nguồn nguyên liệu. Cùng đó, chú trọng nâng cao chất lượng, năng lực cung ứng để gia tăng thị phần tại Anh.

Chiến lược và cách tiếp cận thông tin thị trường

Chia sẻ những thuận lợi trong cách tiếp cận và tìm kiếm thông tin thị trường, đối tác khi xuất khẩu sang Vương quốc Anh của các doanh nghiệp thủy sản trong nước, ông Nguyễn Hoài Nam cho rằng, đó là những quy định cơ bản về an toàn thực phẩm, về truy xuất nguồn gốc,

thực hiện các trách nhiệm liên quan đến xã hội hoặc trách nhiệm về nguồn lợi... vẫn cơ bản giữ nguyên so với thời điểm Anh vẫn thuộc Liên minh châu Âu.

Đây là thuận lợi lớn nhất, bởi doanh nghiệp trong nước đã có nhiều năm, nhiều kinh nghiệm để làm việc với các đối tác châu Âu, tương đối hiểu về thị trường này để chủ động kế hoạch nuôi trồng, khai thác, xuất khẩu. Thời gian qua, để hỗ trợ doanh nghiệp thủy sản tăng thị phần tại Anh, VASEP đã thực hiện nhiều biện pháp.

Thứ nhất, thường xuyên cập nhật thông tin thị trường, những quy định thay đổi của thị trường; thường xuyên cập nhật thông tin liên quan đến quy định về IUU... của thị trường Anh để giữ vững đà xuất khẩu.

Thứ hai, đăng tải những thông tin thị trường trên Cổng thông tin điện tử của Hiệp hội. Hiện nay, Cổng thông tin này đang là điểm truy cập rất lớn, địa chỉ tin cậy để doanh nghiệp thủy sản cả nước truy cập, tìm hiểu thông tin quy định của thị trường nhập khẩu, trong đó, có thị trường Anh.

Thứ ba, với riêng thị trường Anh, VASEO có mối quan hệ với Seafish - Liên đoàn Thủy sản của Anh quốc, có chức năng tương tự như với VASEP và Seafish thường xuyên có những hỗ trợ rất lớn cho ngành thủy sản, bao gồm cả đến tận người tiêu dùng.

“Bên cạnh kênh chính thống của Chính phủ Anh, Seafish cũng là kênh để VASEP cũng như doanh nghiệp thủy sản có thêm thông tin về xu hướng tiêu dùng để có định hướng về mặt hàng” - ông Nguyễn Hoài Nam chia sẻ và nhấn mạnh, thông qua Seafish, doanh nghiệp tôm trong nước đã nắm bắt được xu hướng tiêu dùng của thị trường, xuất khẩu tôm sang Anh đang chiếm 61% trong tổng thị phần tôm nhập khẩu của thị trường này.

Trong thời gian tới, để đồng hành, hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận thị trường và xây dựng thương hiệu tại Anh, VASEP sẽ tiếp tục cùng doanh nghiệp cập nhật thường xuyên, liên tục những thay đổi của thị trường, cũng như những quy định đối với hàng hóa khi xuất khẩu vào thị trường này.

Về phía doanh nghiệp, cần phải tra cứu, tìm hiểu kỹ lưỡng thông tin về thị trường, về thương mại, hệ thống dữ liệu về doanh nghiệp và đóng thuế... của Chính phủ Anh thông qua các nền tảng của Bộ Kinh doanh và Thương mại Anh, công cụ tra cứu bản đồ thương mại ITC để theo dõi tình hình của xuất nhập khẩu cũng như từng ngành hàng, mặt hàng cụ thể.

Bên cạnh đó, doanh nghiệp cũng có thể tìm kiếm thông tin về thị trường thông qua Cổng thông tin FTA của Bộ Công Thương, qua hệ thống Thương vụ Việt Nam tại nước ngoài...

Tới đây, khi Anh chính thức là thành viên của CPTPP, đây vừa là cơ hội cho hàng hóa Việt Nam song cũng là thách thức. Với việc Anh tham gia CPTPP, khả năng tiếp cận của nông sản Việt Nam cũng sẽ được cải thiện. Những năm gần đây, ngành nông nghiệp Việt Nam, trong đó có thủy sản, đang chuyển đổi theo hướng giám phát thải, áp dụng các quy trình hữu cơ và khai thác nguồn năng lượng tái tạo.

Những nỗ lực bảo vệ môi trường này sẽ tạo được thiện cảm với người tiêu dùng Anh, những người ưu tiên hàng có truy xuất nguồn gốc, an toàn thực phẩm, thân thiện với môi trường và đảm bảo tiêu chuẩn đạo đức.

Tuy nhiên, thế vàng IUU tiếp tục là thách thức đối với xuất khẩu thủy sản, nếu không tháo gỡ được trong năm 2024, sẽ khiến xuất khẩu sang EU nói chung, Anh nói riêng sẽ đình trệ vì thủ tục xác nhận, chứng nhận thủy sản khai thác còn bất cập do các yếu tố nguồn lực, nhân lực và cơ sở hạ tầng không đáp ứng. Những ngành hàng như cá ngừ, mực, bạch tuộc và cá biển bị ảnh hưởng nhiều nhất.

Vì vậy, để nâng cao hiệu quả của chiến lược cũng như tìm kiếm thông tin thị trường, ông Nam cho rằng, cần sự đồng hành, hỗ trợ từ các chính sách của Chính phủ, các bộ ngành. Bởi, Hiệp định là một điều kiện cần; điều kiện đủ chính là các quá trình nội luật và cải cách thủ tục hành chính, quy định hành chính sẽ làm cho doanh nghiệp Việt có thêm năng lực cạnh tranh.

Các hiệp định thương mại tự do là sân chơi do Nhà nước, Chính phủ tạo ra, nếu cộng đồng doanh nghiệp trong nước không tận dụng, không chủ động lớn mạnh để gia tăng cạnh tranh, chúng ta sẽ bị mất thị phần.

Nguồn: Báo Công Thương



Nông nghiệp Việt sẵn sàng hướng vào 2,2 tỉ người tiêu dùng Halal

Thị trường Halal toàn cầu, với hơn 2,2 tỉ người tiêu dùng, trị giá hơn 2.000 tỷ USD và ước tính sẽ tăng lên 2.800 tỷ USD trong những năm tới. Việt Nam cần tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền, tổ chức tập huấn tại các địa phương để doanh nghiệp và người sản xuất hiểu rõ hơn về đặc điểm văn hóa, kinh doanh, quy định của các nước Hồi giáo.

Một số tiêu chuẩn Halal cơ bản

Để xuất khẩu thực phẩm và nông sản sang thị trường Hồi giáo, các doanh nghiệp cần phải tuân thủ các tiêu chuẩn Halal được quy định theo tiêu chuẩn GSO. Bao gồm: Thực phẩm và nông sản phải được sản xuất từ nguyên liệu không chứa thành phần bị xem là Haram (bị cấm theo luật Hồi giáo); quy trình sản xuất và đóng gói phải đảm bảo tính toàn vẹn Halal; đảm bảo các vấn đề về vệ sinh an toàn thực phẩm, an toàn sức khỏe người dùng và quy định của pháp luật Việt Nam; các sản phẩm phải được đóng gói và ghi nhãn rõ ràng theo quy định của hệ thống đảm bảo Halal (HAS).

Bà Wong Chia Chiann, Tổng lãnh sự quán Malaysia cho hay, thực phẩm Halal không chỉ không có thịt lợn hoặc không có cồn, mà nguồn thịt hoặc gia cầm cũng phải từ động vật được cho phép tiêu thụ (gà, gia súc, cừu) và phải được giết mổ theo quy tắc Hồi giáo để biến chúng thành Halal.

Vì vậy, cần tiêu chuẩn hóa trong khâu vệ sinh và đảm bảo sạch sẽ. Trong khi đó, động vật ăn thịt, động vật lưỡng cư (như ếch), côn trùng không phải là Halal. Ngoài ra, bất kỳ sự nhiễm bẩn nào từ các nguyên tố bị cấm hoặc chất bẩn cũng khiến thực phẩm không phải là Halal.

Về mặt đóng gói/bảo quản, thực phẩm không phải Halal và thực phẩm Halal phải được bảo quản riêng biệt để tránh bị nhiễm bẩn. Toàn bộ dây chuyền sản xuất phải hợp vệ sinh và không gây hại cho sức khỏe.

"Doanh nghiệp Việt Nam muốn được chứng nhận Halal phải có đủ thông tin và kiến thức đầu là sản phẩm được phép và không được phép theo luật Hồi giáo, ví dụ gạo là được phép và thịt lợn thì không được phép.

Các sản phẩm Halal và không Halal không thể được sản xuất trong cùng một dây chuyền sản xuất. Việc loại bỏ một thành phần không phải Halal sẽ không làm cho sản phẩm trở thành Halal trở lại. Tất cả nguồn thực phẩm, quy trình vệ sinh cần phải được chứng minh trong quá trình chứng nhận Halal", bà Wong Chia Chiann lưu ý.

Ông Machdares Samael, Quyền trưởng Ban đại diện Cộng đồng Hồi giáo TP.HCM cho biết, Halal đã mở rộng ra tất cả các loại thực phẩm như sữa, bánh, kẹo, đồ ăn sẵn, thực phẩm, đồ uống, mỹ phẩm, dược phẩm, du lịch, khách sạn... Đáng chú ý, có những sản phẩm trước đây không phải tuân theo tiêu chuẩn Halal nhưng gần đây buộc phải đáp ứng tiêu chuẩn này như thủy sản nuôi, nông sản, trà, cà phê...

"Tại một số nơi, nước dùng để chế biến sản phẩm Halal cũng đòi hỏi phải có chứng nhận Halal. Do đó, Halal giờ đây không chỉ mang yếu tố tôn giáo hay an toàn vệ sinh thực phẩm mà còn mang yếu tố bản sắc và thương hiệu Hồi giáo.

Hiện nay, các tiêu chuẩn Halal ngày càng hoàn thiện, mở rộng ra nhiều nhóm hàng và siết chặt về chất lượng trong đó có các mặt hàng thủy sản nuôi trồng, trà... sẽ tác động ngày càng sâu sắc đến hàng hóa xuất khẩu và dịch vụ của Việt Nam", ông Machdares Samael nói.

Thúc đẩy hợp tác quốc tế để nắm bắt yêu cầu thị trường Halal

Bà Trần Thị Minh Thu, Vụ trưởng Vụ Tín ngưỡng và các tôn giáo khác (Ban Tôn giáo Chính phủ), cho rằng để đa dạng hóa thị trường xuất khẩu của Việt Nam, khai thác hiệu quả tiềm năng thị trường Hồi giáo thì thúc đẩy hợp tác quốc tế là yêu cầu cấp thiết.

Một số giải pháp được bà Trần Thị Minh Thu đưa ra như hợp tác xây dựng hệ thống tiêu chuẩn Halal của Việt Nam đáp ứng được cơ bản tiêu chuẩn Halal quốc tế và từng quốc gia cụ thể. Trong đó, cần hợp tác với Viện Tiêu chuẩn và đo lường các Quốc gia Hồi giáo (SMIIC) thuộc Tổ chức Hợp tác Hồi giáo (OIC) để xây dựng các tiêu chuẩn.

Ngoài ra, cần hợp tác, hỗ trợ các doanh nghiệp Việt Nam trong sản xuất và xuất khẩu sản phẩm Halal về thông tin, thị trường, cảnh báo vướng mắc, rủi ro, kết nối với chính quyền các thị trường...

Trong khi đó, bà Phạm Hoài Linh, đại diện Vụ Thị trường châu Á - châu Phi, Bộ Công thương cho rằng, cần sớm ban hành Bộ Tiêu chuẩn chung của Việt Nam về sản phẩm Halal, đồng thời nghiên cứu, đề xuất Chính phủ thành lập một cơ quan quản lý thống nhất tiêu chuẩn Halal, chứng nhận Halal.

Bên cạnh đó, cần tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền, tổ chức tập huấn tại các địa phương để doanh nghiệp và người sản xuất hiểu rõ hơn về đặc điểm văn hóa, kinh doanh, quy định của các nước Hồi giáo.

Ông Hoàng Bá Nghị, Tổng Giám đốc phụ trách Tổ chức chứng nhận về Tiêu chuẩn Halal Food xuất khẩu sang các quốc gia đạo Hồi của Tổ chức chứng nhận NHO tại Việt Nam cho biết, bên cạnh các quốc gia có người Hồi giáo, hiện nay, xu hướng tiêu thụ các sản phẩm có chứng nhận về thực phẩm Halal tại các quốc gia phát triển về du lịch cũng đang ngày càng lớn (Thái Lan, Nhật Bản hiện nay đã làm rất tốt hậu cần, dịch vụ về thực phẩm phục vụ cộng đồng người Hồi giáo trong ngành du lịch).

Không chỉ về thực phẩm cần phải có chứng nhận Halal, nhiều quốc gia phát triển về du lịch cũng làm rất tốt các dịch vụ về khách sạn, nhà hàng, khu nghỉ dưỡng, spa, phương tiện vận chuyển khách du lịch, đồ lưu niệm, dược phẩm, đồ dùng... đều phải có chứng nhận Halal nhằm phục vụ chu đáo và giúp du khách của cộng đồng Hồi giáo cảm thấy được thoải mái nhất...

Nếu Việt Nam chú trọng vào việc tạo ra hệ sinh thái một cách bài bản về sản phẩm, dịch vụ có chứng nhận Halal, sẽ có tiềm năng rất lớn để thu hút du khách tới từ các quốc gia Hồi giáo.

Tại hội nghị ngành Halal toàn quốc ngày 22/10 vừa qua, Thủ tướng Phạm Minh Chính nhấn mạnh mục tiêu đưa Việt Nam trở thành một điểm đến không thể thiếu trong bản đồ Halal toàn cầu. Cũng trong hội nghị, các đại biểu đã tham dự lễ Giới thiệu Trung tâm chứng nhận Halal quốc gia Việt Nam (HALCERT), Bộ Tiêu chuẩn Halal Việt Nam, Lễ ra mắt "Góc Halal" trên Báo Thế giới và Việt Nam, và Lễ trao 5 văn kiện hợp tác giữa Trung tâm Chứng nhận GCC, Cơ quan Halal Hàn Quốc, Trung tâm Chứng nhận Halal châu Âu, Học viện Halal thuộc công ty TNHH GAE (Malaysia) và Hiệp hội Du lịch tỉnh Quảng Ninh với các cơ quan quản lý nhà nước của Việt Nam về tiêu chuẩn và Halal.

Nguồn: Báo Chính phủ

Giải bài toán công nghệ xanh cho ngành dệt may

(CongThuong.vn) Ứng dụng công nghệ phù hợp là một trong những thách thức của doanh nghiệp dệt may trong tiến trình sản xuất và tăng trưởng xanh.

ùng với việc các quốc gia là thị trường xuất khẩu lớn của Việt Nam bắt đầu luật hóa các quy định liên quan đến xanh hóa ngành dệt may, yêu cầu xanh hoá sản xuất ngày một cấp thiết với doanh nghiệp trong nước.



Giải bài toán công nghệ xanh cho ngành dệt may.

Nổi bật có thể kể tới, Liên minh châu Âu với những hoạt động cụ thể thông qua các quy định và chính sách như: Thỏa thuận xanh châu Âu, Kế hoạch hành động kinh tế tuần hoàn, Chiến lược công nghiệp mới cho châu Âu và Chiến lược của Liên minh châu Âu cho ngành dệt may bền vững và tuần hoàn. Do đó, theo ông Lê Tiến Trường- Chủ tịch HĐQT Tập đoàn Dệt may Việt Nam, chuyển dịch theo hướng sản xuất xanh là giải pháp tốt nhất để tuân thủ các quy định về tính bền vững của sản phẩm dệt may tại thị trường này.

Tuy nhiên, 80% trong tổng số 7.000 doanh nghiệp dệt may trong nước có quy mô vừa và nhỏ, nguồn vốn đầu tư cho công nghệ hiện đại để sản xuất ra sản phẩm xanh không phải vấn đề đơn giản. Trong khi đó, hệ thống tài chính xanh còn non trẻ khiến các dự án dệt may xanh gặp nhiều khó khăn trong việc huy động nguồn tài chính, bao gồm cả huy động vốn hoặc tiếp cận nguồn tín dụng ưu đãi.

Trước hiện trạng đó, từ năm 2023 đến nay, Tổ chức Hợp tác Quốc tế Đức GIZ và Trung tâm Đổi mới Quốc gia Việt Nam đã triển khai Chương trình “Bệ đỡ công nghệ xanh” với sự tài trợ từ chính phủ Đức đã giúp giải bài toán khó về công nghệ cho doanh nghiệp dệt may.

Chương trình đã kết nối thành công 7 công ty dệt may xuất khẩu với 9 giải pháp công nghệ mới từ các công ty khởi nghiệp đổi mới sáng tạo. Các công nghệ có thể giải quyết những vấn đề kỹ thuật phổ biến trong cơ sở dệt may như: Xử lý bùn thải, thu hồi nhiệt, tái chế vải vụn, tối ưu hóa sử dụng điện năng, quản lý nhân công và ứng dụng nguyên liệu mới bền vững.

Ông Dennis Quennet, Giám đốc Phát triển kinh tế bền vững tại GIZ Việt Nam cho biết, có rất nhiều tiềm năng sản xuất bền vững trong ngành dệt may, như giảm thiểu sử dụng nước, năng lượng, hay quản lý chất thải hiệu quả. Điều đó không chỉ mang lại lợi ích về môi trường mà còn giúp nâng cao lợi ích kinh tế nhờ quản lý hiệu quả nguồn lực để giảm chi phí sản xuất.

Các giải pháp công nghệ sáng tạo của các đơn vị khởi nghiệp có thể được tích hợp và đưa vào ứng dụng tại các doanh nghiệp dệt may, tạo nên chuỗi giá trị hiệu quả hơn và xanh hơn.

Sự hỗ trợ của Chính phủ Đức cùng những tổ chức quốc tế cho ngành dệt may Việt Nam để áp dụng được công nghệ sản xuất xanh là rất đáng quý. Bản thân doanh nghiệp nội địa trong phạm vi năng lực của mình đã mạnh dạn đầu tư áp dụng công nghệ tiên tiến trong sản xuất.

Đơn cử, Công ty TNHH Việt Thắng Jean đã chuyển đổi sang áp dụng công nghệ xanh, vừa có thể nâng cao hoạt động sản xuất, vừa gắn với bảo vệ môi trường. Riêng về hàng denim, thay vì phải in và sử dụng hóa chất, màu... như trước đây, doanh nghiệp đã đầu tư công nghệ laser, không ảnh hưởng đến môi trường.

Ngoài ra, doanh nghiệp còn áp dụng công nghệ tự động cắt, công nghệ laser tạo hiệu ứng trên mặt vải, công nghệ nano nhuộm màu, công nghệ giặt xả của Thổ Nhĩ Kỳ... Những máy móc, công nghệ hiện đại này giúp Việt Thắng Jean đạt được chứng nhận Oeko-Tex, là một xác nhận sự an toàn về mặt sinh thái và con người của các sản phẩm dệt, đồ da, từ tất cả các giai đoạn sản xuất dọc theo chuỗi giá trị dệt may.

Tuy nhiên, sản xuất xanh, tăng trưởng xanh và bền vững là tiến trình dài đòi hỏi nỗ lực của cả doanh nghiệp và hỗ trợ kịp thời của Chính phủ. Bày tỏ quan điểm về vấn đề này, ông Lê Tiến Trường cho rằng, xanh hoá, nếu doanh nghiệp đi nhanh hơn thị trường cũng có thể có thiệt hại về tài chính, khi năng lực cung của hàng hoá dệt may xanh lớn hơn cầu, nhưng đi

chậm hơn thì chắc chắn không có vị trí trong chuỗi cung ứng mới, dẫn tới khủng hoảng toàn diện ngành.

Do đó, Chính phủ cần thể chế hóa các tiêu chuẩn xanh trong ngành dệt may với lộ trình phát triển và mục tiêu cụ thể, phù hợp với xu thế phát triển của kinh tế xanh trên thế giới. Lộ trình phát triển dệt may xanh cần nêu rõ các mục tiêu, quy định cụ thể cho từng giai đoạn ngắn, gắn với vai trò của các bên liên quan đồng thời gắn với các cơ chế tài chính để thực hiện mục tiêu như cơ chế hợp tác công tư, cơ chế tài chính xanh...

Các quy định của chính phủ là điều kiện sàn, định hướng để những đầu tư mới, đầu tư chiều sâu đi đúng định hướng của nền kinh tế xanh, tránh lãng phí của cải vật chất. Tuy nhiên các mục tiêu này lại phải rất linh hoạt, liên tục có khả năng điều chỉnh theo diễn biến của thị trường chứ không thể giữ cố định như kế hoạch 5 năm, hay các chiến lược, quy hoạch 10 năm hiện có.

Chính phủ cũng nên đưa ra các chính sách hỗ trợ, khuyến khích, điều chỉnh hành vi của doanh nghiệp theo hướng chuyển đổi xanh và áp dụng các sáng kiến xanh thông qua các công cụ về tín dụng, thuế, đất đai. Đặc biệt là các chính sách tài chính, có tác dụng bổ sung dòng tiền và lợi thế chi phí cho các doanh nghiệp triển khai sản xuất xanh.

Tập trung vào nghiên cứu và ứng dụng các công nghệ xanh như năng lượng tái tạo, sử dụng hiệu quả năng lượng và nước, quản lý tài nguyên và xử lý chất thải. Điều này có thể giúp giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường và tạo ra các nguồn tài nguyên bền vững. Bên cạnh đó, cần tăng cường hợp tác với các đối tác, nhà cung cấp máy móc thiết bị để học hỏi, chuyển giao công nghệ tiên tiến trong ngành dệt may.

Hải Linh

EU công nhận 3 tổ chức được chứng nhận hữu cơ từ Việt Nam

(Chinhphu.vn) - Trong quy định mới về hữu cơ, EU quy định 3 tổ chức được công nhận thực hiện kiểm soát và cấp chứng nhận hữu cơ đối với các sản phẩm từ Việt Nam là DQS POLSKA SPÓLKA Z OGRANICZONĄ ODPOWIEDZIALNOŚCIĄ, ONECERT INTERNATIONAL PRIVATE LIMITED, SRS Certification GmbH.

Theo Thương vụ Việt Nam tại Bỉ và EU, Ủy ban châu Âu vừa ban hành Quy định thực hiện (EU) 2024/2794 sửa đổi Quy định thực hiện (EU) 2021/1378 liên quan đến việc công nhận một số tổ chức, đơn vị thực hiện kiểm soát và cấp chứng nhận hữu cơ tại các nước thứ ba đối với các sản phẩm hữu cơ nhập khẩu vào EU theo Điều 46 của Quy định (EU) 2018/848 của Hội đồng và Nghị viện châu Âu.

Quy định này sửa đổi phụ lục II Quy định thực hiện (EU) 2021/1378, đã được áp dụng từ ngày 7/11/2024. Quy định liệt kê một số tổ chức, đơn vị được EU công nhận thực hiện các dịch vụ kiểm soát và cấp chứng nhận hữu cơ đối với các nhóm sản phẩm nhập khẩu vào EU.

Theo Quy định này, một số tổ chức, đơn vị có tên sau đây được công nhận thực hiện kiểm soát và cấp chứng nhận hữu cơ đối với các sản phẩm từ Việt Nam:



EU sẽ quản lý chặt lại tình hình thực tế đối với các sản phẩm hữu cơ

DQS POLSKA SPÓŁKA Z OGRANICZONĄ ODPOWIEDZIALNOŚCIĄ: code VN-BIO-181; các nhóm sản phẩm: A (gồm thực vật và sản phẩm thực vật chưa qua chế biến, bao gồm hạt giống và các vật liệu làm giống khác), D (gồm sản phẩm nông nghiệp chế biến, bao gồm sản phẩm nuôi trồng thủy sản, để sử dụng làm thực phẩm) và G (bao gồm các sản phẩm khác được liệt kê trong Phụ lục I của Quy định (EU) 2018/848 hoặc không thuộc các danh mục A, D và E).

ONECERT INTERNATIONAL PRIVATE LIMITED: code VN-BIO-152; các nhóm sản phẩm: A, D và G.

SRS Certification GmbH: code VN-BIO-195, các nhóm sản phẩm: A, D, E (thức ăn chăn nuôi) và G.

Đây là một trong những hoạt động nằm trong chiến lược mà EU cho là sẽ quản lý chặt lại tình hình thực tế đối với các sản phẩm hữu cơ. Trước đó, EU cho rằng có quá nhiều tổ chức có thể cấp nhãn bio, sinh thái, hữu cơ... mà chưa hoàn toàn phản ánh đúng tình hình sản xuất có liên quan theo yêu cầu của EU.

Đỗ Hương

Tổng hợp danh mục các Tin cảnh báo WTO cần chú ý trong tháng 9-11/2024

Mã thông báo	Quốc gia	Sản phẩm	Ngày thông báo
G/TBT/N/USA/2137/Add.1	Hoa Kỳ	Tiêu chuẩn An toàn cho Đồ chơi: Yêu cầu đối với Đồ chơi có chứa Pin cúc áo hoặc Pin đồng xu; Gia hạn thời gian góp ý	01/10/2024
G/TBT/N/USA/2088/Add.4	Hoa Kỳ	SB 54 Quy định về đạo luật trách nhiệm của nhà sản xuất bao bì và ngăn ngừa ô nhiễm nhựa	17/10/2024
G/TBT/N/EU/1086	EU	Dự thảo Quy định của Ủy ban sửa đổi Quy định (EC) số 1272/2008 của Nghị viện và Hội đồng Châu Âu liên quan đến việc phân loại và ghi nhãn hài hòa đối với một số chất	25/09/2024
G/TBT/N/CHN/1916	Trung Quốc	Tiêu chuẩn Quốc gia của Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa, Quần áo bảo hộ - Quần áo bảo hộ kháng các hạt	17/10/2024
G/TBT/N/CHN/1932	Trung Quốc	Tiêu chuẩn Quốc gia của Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa, Yêu cầu hạn chế đóng gói quá mức trong chuyển phát nhanh	
G/TBT/N/CHN/1940	Trung Quốc	Tiêu chuẩn quốc gia của Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa, Phụ gia thức ăn chăn nuôi - Phần 8: Chất bảo quản, chất ngăn ngừa nấm mốc và chất điều chỉnh độ axit —Benzoic acid	04/11/2024

G/TBT/N/JPN/828	Nhật Bản	Sửa đổi Yêu cầu kỹ thuật và Tiêu chuẩn dành cho thực phẩm, phụ gia thực phẩm, v.v mà Bộ Y tế và Phúc lợi Nhật Bản đã ban hành từ ngày 30/8/2020.	10/9/2024
G/TBT/N/JPN/836	Nhật Bản	Sửa đổi một phần Quy định về ghi nhãn chất lượng hàng dệt may	03/10/2024
G/TBT/N/IDN/169	Indonesia	Quy định của Chính phủ số 28 năm 2024 về việc thực hiện Luật số 17 năm 2023 về Y tế Thực phẩm chế biến	04/11/2024
G/TBT/N/IND/346	Ấn Độ	Dự thảo Vải đan hoặc móc sợi nhuộm làm từ sợi tổng hợp	07/10/2024
G/TBT/N/ARE/634, G/TBT/N/BHR/719, G/TBT/N/KWT/699, G/TBT/N/OMN/542, G/TBT/N/QAT/693, G/TBT/N/SAU/1363, G/TBT/N/YEM/299	GCC	Quy chuẩn kỹ thuật GCC về giới hạn dư lượng tối đa (MRL) đối với kim loại nặng trong thực phẩm	29/10/2024
G/TBT/N/GBR/93	Anh Quốc	Mở rộng việc ghi dấu CE ('Conformité Européenne') cho sản phẩm xây dựng ở Vương quốc Anh	21/10/2024
G/TBT/N/ISR/1357	Israel	Dự thảo Tiêu chuẩn SI 1430 phần 1 – Tấm chống thấm mái.	22/10/2024

Nhật Bản thông báo sửa đổi Yêu cầu kỹ thuật và Tiêu chuẩn dành cho thực phẩm, phụ gia thực phẩm

Ngày 10/9/2024, Nhật Bản đã gửi thông báo mã G/TBT/N/JPN/828 về sửa đổi Yêu cầu kỹ thuật và Tiêu chuẩn dành cho thực phẩm, phụ gia thực phẩm, v.v mà Bộ Y tế và Phúc lợi Nhật Bản đã ban hành từ ngày 30/8/2020.

Cụ thể, nội dung sửa đổi lần này liên quan tới yêu cầu về thử nghiệm, chất thử, dung dịch thử nghiệm, yêu cầu kỹ thuật đối với vật dụng, vật chứa và bao bì thực phẩm theo loại vật

liệu và theo mục đích sử dụng. Theo Nhật Bản, dự thảo này được xây dựng nhằm mục tiêu phòng ngừa nguy cơ ảnh hưởng đến sức khỏe cộng đồng theo quy định tại Nghị định và Pháp lệnh của Chính phủ Nhật Bản về thi hành Đạo luật Vệ sinh thực phẩm.

Nhật Bản sẽ tiếp nhận ý kiến góp ý từ các nước Thành viên WTO đến hết ngày 10/11/2024.

Dự kiến, nội dung sửa đổi nói trên sẽ có hiệu lực trong năm 2025. Văn bản đầy đủ của Dự thảo đề nghị tìm hiểu tại đường dẫn:

https://members.wto.org/crnattachments/2024/TBT/JPN/24_05877_00_e.pdf

EU thông báo Dự thảo Quy định sửa đổi Quy định (EC) 1272/2008 về phân loại và dán nhãn hài hòa một số hoá chất nhất định của Liên minh Châu Âu

Ngày 24/9/2024, Liên minh Châu Âu thông báo G/TBT/N/EU/1086 cho các nước Thành viên WTO về việc đưa ra Dự thảo Quy định sửa đổi Quy định (EU) 1272/2008 về phân loại và dán nhãn hài hòa một số hoá chất nhất định của Nghị viện Châu Âu và Hội đồng Châu Âu.

Dự thảo này đề xuất sửa đổi Bảng 3 của Phần 3, Phụ lục VI của Quy định CLP, bổ sung và/hoặc điều chỉnh các quy định nhằm mục đích phân loại và dán nhãn hài hòa cho 32 chất hoặc nhóm chất. Thời gian dự kiến ban hành của dự thảo là Quý 4/2024, có hiệu lực sau 20 ngày kể từ khi công bố trên Công báo EU. Các nước Thành viên WTO có 60 ngày kể từ ngày thông báo để tham gia đóng góp ý kiến. Thông tin chi tiết của dự thảo xem tại:

https://members.wto.org/crnattachments/2024/TBT/EEC/24_06263_00_e.pdf

ÁN ĐỘ THÔNG BÁO CỦA VỀ SẢN PHẨM DỆT KIM LÀM TỪ SỢI NHÂN TẠO

Theo tin cảnh báo số G/TBT/N/IND/346, ngày 07/10/2024, Bộ Dệt may, Chính phủ Ấn Độ thông báo dự thảo Vải đan hoặc móc sợi nhuộm làm từ sợi tổng hợp (Kiểm soát Chất lượng) Đơn hàng, 2024; (2 trang, bằng tiếng Anh). Lệnh này nhằm đảm bảo sự phù hợp của vải dệt kim hoặc đan móc nhuộm được làm từ sợi tổng hợp được liệt kê trong lịch trình với tiêu chuẩn Ấn Độ đã chỉ định. Mục đích của thông báo nhằm ngăn chặn các hành vi lừa đảo và bảo vệ người tiêu dùng; Bảo vệ sức khỏe hoặc an toàn con người; Bảo vệ môi trường; Yêu cầu về chất lượng.

Hạn góp ý là 60 ngày kể từ ngày thông báo.

Thông tin chi tiết của dự thảo xem tại:

https://members.wto.org/crnattachments/2023/TBT/IND/23_13007_00_e.pdf

Israel thông báo dự thảo Tiêu chuẩn tấm chống thấm mái

Ngày 22/10/2024, Israel thông báo số G/TBT/N/ISR/1357 về dự thảo Tiêu chuẩn SI 1430 phần 1 – Tấm chống thấm mái.

Theo đó, dự thảo này sửa đổi Tiêu chuẩn bắt buộc SI 1430 phần 1, liên quan đến Tấm PVC chống thấm mái nhà. Bản sửa đổi tiêu chuẩn được đề xuất này áp dụng cả Tiêu chuẩn Châu Âu EN 13956: Tháng 12 năm 2012 và Tiêu chuẩn Hoa Kỳ ASTM D4434/D4434M – 21 và cho phép tuân thủ cả hai. Những khác biệt chính giữa phiên bản cũ và bản dự thảo tiêu chuẩn sửa đổi mới như sau:

Trong lộ trình tuân thủ của Châu Âu: Thay đổi các yêu cầu bắt buộc dựa trên Tiêu chuẩn Đức DIN V 20000-201: 2006-11 thành các khuyến nghị tự nguyện;

Trong lộ trình tuân thủ của Hoa Kỳ: Bỏ yêu cầu phân loại tấm theo khả năng chống cháy theo tiêu chuẩn TI 921 của Israel; Áp dụng phiên bản cập nhật của Tiêu chuẩn Hoa Kỳ.

Cả tiêu chuẩn cũ và tiêu chuẩn mới được sửa đổi sẽ được áp dụng kể từ khi bản sửa đổi này có hiệu lực trong thời gian chuyển tiếp là sáu tháng. Trong thời gian này, sản phẩm có thể được thử nghiệm theo tiêu chuẩn cũ hoặc tiêu chuẩn mới được sửa đổi.

Mục tiêu để phòng ngừa các hành vi lừa đảo và bảo vệ người tiêu dùng; Bảo vệ sức khỏe hoặc sự an toàn của con người. Ngày cuối cùng để góp ý: 60 ngày kể từ ngày thông báo.

Thông tin chi tiết của dự thảo xem tại:

https://members.wto.org/crnattachments/2024/TBT/ISR/24_07079_00_x.pdf

Trung Quốc thông báo quy định trong hoạt động đóng gói sản phẩm trong chuyển phát nhanh

Ngày 17/10/2024, Cơ quan Quản lý thị trường Nhà nước Trung Quốc (SAMR) đã gửi thông báo mã G/TBT/N/CHN/1932 xin ý kiến quốc tế đối với dự thảo Tiêu chuẩn quốc gia của Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa về yêu cầu hạn chế đóng gói quá mức trong chuyển phát nhanh. Dự thảo quy định các nguyên tắc, yêu cầu chung, phương pháp thử nghiệm và quy tắc đánh giá để hạn chế đóng gói quá mức trong lĩnh vực chuyển phát nhanh; áp dụng đối với hoạt động đóng gói hàng hóa sử dụng bao bì không tái chế. Nguyên tắc khi đóng gói hàng hóa là dựa trên cơ sở đáp ứng nhu cầu chuyển phát và đảm bảo sự an toàn cho sản phẩm bên trong, ưu tiên sử dụng bao bì gốc. Bao bì gốc của thực phẩm và mỹ phẩm đáp ứng các quy định của Tiêu chuẩn GB 23350, và bao bì gốc của nông sản tươi đáp ứng các quy định của Tiêu chuẩn GB 43284. Đóng gói phải đảm bảo ở mức tối thiểu để giảm số lớp đóng gói và tiết kiệm băng keo, bao bì. Bên cạnh đó, giới hạn kim loại nặng và các chất cặn bã trong bao bì chuyển phát nhanh phải đáp ứng quy định của GB 43352. Thời gian có hiệu lực của tiêu chuẩn là sau 18 tháng kể từ ngày thông qua.

Hạn góp ý: 60 ngày kể từ ngày thông báo. Thông tin chi tiết của dự thảo xem tại:

https://members.wto.org/crnattachments/2024/TBT/CHN/24_06916_00_x.pdf

HƯỚNG DẪN CÁCH THỨC ĐĂNG KÝ TÀI KHOẢN EPING CỦA WTO ĐỂ NHẬN VÀ NGHIÊN CỨU CÁC TIN CẢNH BÁO TBT/SPS

Kính gửi: Quý doanh nghiệp

Trong thời gian qua, thực hiện chức năng nhiệm vụ được giao, Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Bình Thuận (TBT Bình Thuận) đã thường xuyên tra cứu, tiếp nhận, chọn lọc, biên dịch, chuyển một số tin cảnh báo TBT của các nước thành viên WTO có liên quan đến hoạt động xuất khẩu hàng hóa của doanh nghiệp. Các tin cảnh báo TBT chọn lọc này được TBT Bình Thuận thông tin trên Bản tin TBT điện tử đăng tải trên website của Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Bình Thuận (*tại địa chỉ website:*

<https://chicuctdcbinhthuan.gov.vn/News/hoatdongtbt/bantintbt.aspx>). Tuy nhiên, do số lượng, nội dung tin cảnh báo TBT/SPS của WTO rất phong phú, đa dạng, TBT Bình Thuận có thể chưa đáp ứng hết nhu cầu tra cứu tìm hiểu các tin cảnh báo TBT của doanh nghiệp.



Theo thông báo của Văn phòng TBT Việt Nam, hiện nay Tổ chức Thương mại thế giới (WTO) đã xây dựng hệ thống cảnh báo TBT/SPS ePing có ngôn ngữ sử dụng bằng Tiếng Việt. Vì vậy, nhằm giúp doanh nghiệp nhận và nghiên cứu sớm các tin cảnh báo TBT/SPS của các nước thành viên WTO, chủ động trong việc tìm hiểu các thông tin về thị trường xuất khẩu, TBT Bình Thuận hướng dẫn các doanh nghiệp cách thức đăng ký tài khoản ePing cụ thể như sau:

* Bước 1: Truy cập đường link:

<https://eping.wto.org/en/Search/AllInformation?domainIds=1&countryIds=C704>

* Bước 2: Ấn vào ‘Other languages’ ở phía trên góc trái màn hình và chọn ngôn ngữ tiếng Việt – Vietnamese theo link: <https://www.epingalert.org/vi>

* Bước 3: Vào mục Đăng ký để tiến hành đăng ký tài khoản. Sau đó điền các thông tin cá nhân để thực hiện đăng ký tài khoản ePing.

* Bước 4: Hoàn thành đăng ký theo yêu cầu của hệ thống.

Nếu có khó khăn, vướng mắc trong quá trình hình thực hiện, TBT Bình Thuận kính đề nghị các doanh nghiệp phản ánh, trao đổi cụ thể để TBT Bình Thuận hỗ trợ kịp thời (*TBT Bình Thuận – Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Bình Thuận. Khu dân cư Bắc Xuân An, phường Xuân An, thành phố Phan Thiết. ĐT: 0252.3754042. Email: luannq@skhcn.binhthuan.gov.vn – Zalo: 0919962951, anh Luận*).

Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức Hội nghị tập huấn hướng dẫn thực hiện hoạt động truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa

Thực hiện Kế hoạch số 752/KH-UBND ngày 03/3/2020 của UBND tỉnh về thực hiện Đề án triển khai, áp dụng và quản lý hệ thống truy xuất nguồn gốc trên địa bàn tỉnh Bình Thuận và văn bản số 2201/UBND-KGVXNV ngày 13/6/2024 của UBND tỉnh, sáng ngày 16/10/2024, Sở Khoa học và Công nghệ đã tổ chức hội nghị tập huấn hướng dẫn thực hiện hoạt động truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa.

Tham dự hội có ông Nguyễn Hoài Trung, Phó Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ, chủ trì hội nghị cùng các khách mời là đại diện các cơ quan quản lý cấp tỉnh, cấp huyện, các Hiệp hội doanh nghiệp, chủ các doanh nghiệp, HTX, cơ sở sản xuất, kinh doanh có sản phẩm OCOP, sản phẩm xuất khẩu trên địa bàn tỉnh.

Hội nghị được tổ chức nhằm trang bị, cập nhật các kiến thức cơ bản về TXNG và hệ thống TXNG giúp các nhà quản lý, các doanh nghiệp, HTX, cơ sở sản xuất nhận thức rõ hơn vai trò của việc áp dụng TXNG trong sản xuất sản phẩm, hàng hóa; đồng thời đưa ra các định hướng triển khai hoạt động áp dụng TXNG trong thời gian tới đáp ứng theo các quy định hiện hành. Trên cơ sở đó, giúp các doanh nghiệp, HTX, cơ sở sản xuất kinh doanh có định hướng đúng đắn, phù hợp áp dụng TXNG cho các sản phẩm, hàng hoá đơn vị mình sản xuất kinh doanh.



Ông Nguyễn Hoài Trung – Phó Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ phát biểu khai mạc hội nghị tập huấn

Tại hội nghị, các khách mời đã được nghe ông Phạm Văn Quân – Giám đốc Công ty cổ phần công nghệ Checkee trao đổi các chuyên đề về truy xuất nguồn gốc như: Các khái

niệm về TXNG - Thực trạng truy xuất nguồn gốc (TXNG) tại Việt Nam; Một số TCVN về truy xuất nguồn gốc cơ bản; Thông tư số 02/2024/TT-BKH&CN của Bộ KH&CN Quy định về quản lý TXNG sản phẩm, hàng hóa; Hướng dẫn xây dựng quy trình TXNG phù hợp tiêu chuẩn Quốc gia. Bên cạnh đó, tại hội nghị, đại diện của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng cũng giới thiệu về hoạt động áp dụng mã số mã vạch.



Ông Phạm Văn Quân – Giám đốc Công ty cổ phần công nghệ Checkee, báo cáo các chuyên đề về truy xuất nguồn gốc



Các đại biểu tham dự Hội nghị tập huấn truy xuất nguồn gốc

Hệ thống truy xuất nguồn gốc nhằm giám sát, xác định một đơn vị sản phẩm qua từng công đoạn theo thời gian, địa điểm của quá trình sản xuất, chế biến, lưu trữ, bảo quản, vận chuyển, phân phối và kinh doanh. Về phía doanh nghiệp, TXNG giúp doanh nghiệp kiểm

soát rủi ro phát sinh khi theo dõi, xác minh toàn bộ đường đi của hàng hoá, tạo được sự tin tưởng cho khách hàng; bảo vệ uy tín doanh nghiệp và sản phẩm hàng hoá của mình. Qua đó, giúp doanh nghiệp chinh phục thị trường không chỉ trong nước và mà cả thị trường quốc tế vốn đòi hỏi khắt khe về TXNG hàng hoá trong cả sản xuất lẫn thương mại. Đối với cơ quan quản lý, đây chính là công cụ hữu ích phục vụ công tác quản lý, kiểm soát thị trường hàng hoá và là một trong những biện pháp thi hành để quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa. Bên cạnh đó, người tiêu dùng có thể truy xuất được các thông tin về sản phẩm và doanh nghiệp sản xuất một cách nhanh chóng, chi tiết và chính xác nhất, qua đó lựa chọn những sản phẩm hàng hóa đảm bảo chất lượng và có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng.

Quang Luận

Hội thảo về du lịch thân thiện với người Hồi giáo (du lịch Halal)

Ngày 16/10/2024, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Khoa học và Công nghệ đã phối hợp với Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia tổ chức buổi Hội thảo trực tuyến về “Du lịch thân thiện cho người Hồi giáo” tại tỉnh Bình Thuận.



Ông Bùi Thế Nhân – Giám đốc Sở Văn hóa – Thể thao và Du lịch phát biểu khai mạc

Phát biểu khai mạc Hội thảo, Ông Bùi Thế Nhân – Giám đốc Sở Văn hóa – Thể thao và Du lịch đã gửi lời cảm ơn đến Lãnh đạo Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia đã chọn tỉnh Bình Thuận để tổ chức Hội thảo “Du lịch thân thiện cho người Hồi giáo”, đây là cơ hội cho các cơ quan Nhà nước, các doanh nghiệp, cơ sở lưu trú du lịch trên địa bàn tỉnh Bình Thuận được tiếp cận với các tiêu chuẩn liên quan đến người Hồi giáo.

Tại buổi Hội thảo, Ông Trần Quốc Dũng - Giám đốc Trung tâm QUACERT cũng chia sẻ các nội dung về Định nghĩa về Du lịch Halal; Các lĩnh vực du lịch Halal và đánh giá sự phù hợp trong thúc đẩy ngành Halal tại Việt Nam; Phó giáo sư, tiến sĩ Đinh Công Hoàng - Viện Nghiên cứu Nam Á, Tây Á và Châu Phi (ISAWAAS) chia sẻ các nội dung về Halal như: Tiềm năng nền kinh tế du lịch Halal; Các thị trường du lịch Halal trọng điểm; Ông Ramlan Osman – Phụ trách Trung tâm Chứng nhận Halal Quốc gia đã trao đổi các nội dung liên quan đến phát triển du lịch thân thiện với người Hồi giáo tại Việt Nam; Cuối cùng là Ông Phùng Quang Minh – Thư ký Ban Kỹ thuật Tiêu chuẩn Quốc gia trình bày về Dự thảo TCVN dịch vụ du lịch thân thiện với người Hồi giáo.

Tại Hội thảo, các đại biểu doanh nghiệp du lịch cũng đã trao đổi thảo luận các vấn đề liên quan đến các dịch vụ dành riêng cho người Hồi giáo, việc đáp ứng các yêu cầu, tiêu chuẩn dịch vụ cho người Hồi giáo còn cần các doanh nghiệp có sự định hướng, khả năng đáp ứng, sự chấp nhận thay đổi để mang lại hiệu quả kinh tế cho doanh nghiệp.

Kết thúc Hội thảo, Ông Trần Quốc Dũng - Giám đốc Trung tâm QUACERT cũng mong muốn trong thời gian sắp tới, các cơ quan, doanh nghiệp tỉnh Bình Thuận cũng sẵn sàng tập trung các nguồn lực để triển khai xây dựng, áp dụng tiêu chuẩn dịch vụ du lịch thân thiện với người Hồi giáo.



Toàn cảnh Hội thảo

Lê Xin

Tập huấn các quy định về đo lường, chất lượng và triển khai Đề án 996 trong kinh doanh xăng dầu trong năm 2024

Thực hiện chương trình kế hoạch công tác năm 2024 được Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Bình Thuận giao và Nhằm giúp các thương nhân kinh doanh xăng dầu trên địa bàn tỉnh nắm vững và thực hiện đầy đủ các nội dung do Chính phủ, Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về đo lường, chất lượng trong kinh doanh xăng dầu; góp phần nâng cao nhận thức, trách nhiệm của doanh nghiệp về thực thi pháp luật. Ngày 25/10/2024, Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Bình Thuận tổ chức Lớp tập huấn phổ biến các văn bản quy phạm pháp luật về đo lường, chất lượng và triển khai Đề án 996 trong kinh doanh xăng dầu.

Đến tham dự lớp tập huấn có Bà Lê Thị Kim Ngân –Chi cục trưởng và 45 đại biểu là đại diện lãnh đạo, cửa hàng trưởng các cửa hàng xăng dầu của Công ty Cổ phần xăng dầu dầu khí Bình Thuận và Công ty TNHH MTV xăng dầu Bình Thuận.



Bà Lê Thị Kim Ngân – Chi cục trưởng Chi cục TCĐLCL Bình Thuận đến dự và phát biểu khai mạc lớp tập huấn.

Tại buổi tập huấn, các đại biểu được Báo cáo viên của Chi cục hướng dẫn, cập nhật kiến thức về nội dung đo lường, chất lượng được quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật như: Thông tư số 15/2015/TT-BKHCN ngày 25/8/2015 của Bộ trưởng Bộ KH&CN quy định về đo lường, chất lượng trong kinh doanh xăng dầu và Thông tư số 08/2018/TT-BKHCN ngày 15/6/2018 về sửa đổi, bổ sung khoản 7 Điều 6 Thông tư số 15/2015/TT-BKHCN; Hướng dẫn triển khai thực hiện Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về xăng, nhiên liệu điêzen và nhiên liệu sinh học (QCVN 01:2022/BKHCN. Bên cạnh đó, Chi cục phổ biến và hướng dẫn triển khai Quyết định số 996/QĐ-TTg ngày 10/8/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án "Tăng

cường, đổi mới hoạt động đo lường hỗ trợ doanh nghiệp Việt Nam nâng cao năng lực cạnh tranh và hội nhập quốc tế giai đoạn đến năm 2025, định hướng năm 2030" trên địa bàn tỉnh Bình Thuận" đến hai Công ty.

Cuối buổi tập huấn, các đại biểu được giải đáp những vướng mắc, khó khăn trong hoạt động kinh doanh, qua đó giúp các doanh nghiệp nắm bắt và hệ thống lại những yêu cầu bắt buộc của Nhà nước trong lĩnh vực kinh doanh xăng dầu và triển khai xây dựng chương trình đảm bảo đo lường trong sản xuất, kinh doanh.

Hình ảnh toàn cảnh lớp tập huấn:



Hoàng Tuấn



*** **

@



CHI CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG BÌNH THUẬN